

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

NHIỆM VỤ

**ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG THỊ TRẤN ĐẮK TÔ, HUYỆN ĐẮK TÔ,
TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2040**

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG

75 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Tel - Fax: 0236.3840761 - 0236.3840764;

Email: vccmhdn@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG THỊ TRẤN ĐẮK TÔ, HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2040

Cơ quan chủ đầu tư : Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô.
Đơn vị lập nhiệm vụ : Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng
Công nghiệp và Đô thị Việt Nam tại Đà Nẵng
Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Cơ quan phê duyệt : Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

CHỦ ĐẦU TƯ

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TƯ VẤN XDCN
VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG



GIÁM ĐỐC
HỒ PHƯỚC PHƯƠNG

MUC LUC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT	1
II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH.....	3
1. Các cơ sở pháp lý	3
2. Các nguồn tài liệu, số liệu liên quan	5
3. Các cơ sở bản đồ	5
III. VỊ TRÍ, QUY MÔ PHẠM VI VÀ RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG.	5
1. Vị trí, phạm vi ranh giới:	5
2. Quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch:.....	6
3. Thời hạn quy hoạch:	6
PHẦN II - KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ; TÓM LƯỢC QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	8
I. KHÁI QUÁT CHUNG ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN	8
1. Vị trí địa lý	8
2. Địa hình, địa mạo	8
3. Khí hậu.....	9
4. Thủy văn	10
II. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ	10
1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội:	10
2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	14
3. Đánh giá chung.....	16
III. TÓM LƯỢC QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	17
1. Tóm lược nội dung đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt:.....	17
2. Đánh giá việc triển khai thực hiện đồ án quy hoạch sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt.	21
3. Quá trình thực hiện quản lý và phát triển đô thị.	25
IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO CÁC QUY HOẠCH CẤP CAO HƠN VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ; PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH TẠI QUY HOẠCH CẤP TỈNH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC DỰ ÁN ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI LIÊN QUAN ĐẾN PHẠM VI QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ.	26
1. Các định hướng phát triển đô thị theo các quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch vùng huyện, kế hoạch phát triển theo chương trình phát triển đô thị.	26
2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch cấp tỉnh và tác động của các dự án đang được triển khai liên quan đến phạm vi quy hoạch chung đô thị.	28
PHẦN III - CÁC YÊU CẦU NGHIÊN CỨU ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ	29
I. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, VAI TRÒ ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐẮK TÔ.....	29
1. Tính chất	29

2. Động lực phát triển và vai trò của đô thị thị trấn Đắk Tô đối với vùng huyện, vùng tỉnh.....	29
II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH	30
1. Quan điểm.....	30
2. Mục tiêu:	30
III. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QH.....	31
1. Nội dung giải quyết chung:.....	31
2. Nội dung giải quyết cụ thể:.....	32
IV. CÁC DỰ BÁO SƠ BỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	32
1. Cơ sở dự báo	32
2. Dự báo về phát triển Kinh tế - Xã hội	32
3. Dự báo về dân số, lao động và nghề nghiệp	33
4. Dự báo về đất đai phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn.	34
5. Dự báo về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.....	34
V. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHỦ YẾU.	35
1. Căn cứ pháp lý lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.....	35
2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	36
VI. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ; ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.	37
1. Yêu cầu đối với việc điều tra khảo sát, thu thập tài liệu số liệu, đánh giá hiện trạng đô thị.....	37
2. Yêu cầu định hướng phát triển đô thị.....	38
3. Đánh giá tác động môi trường	41
4. Quy hoạch xây dựng đợt đầu và dự án ưu tiên đầu tư	41
5. Thiết kế đô thị:	42
PHẦN IV - HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ; KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	44
I. HỒ SƠ SẢN PHẨM:	44
1. Hồ sơ khảo sát:.....	44
2. Hồ sơ quy hoạch:.....	44
II. DỰ TOÁN KINH PHÍ.....	45
1. Cơ sở để tính toán:.....	45
2. Tổng dự toán kinh phí:	45
III. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....	45
1. Lập nhiệm vụ quy hoạch.....	45
2. Lập quy hoạch	46
3. Thời gian và nguồn vốn thực hiện:	46
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	46
V. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG LẤY Ý KIẾN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.	46
PHẦN V - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	47
- PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỒ ÁN	
- BẢN VẼ: SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG - A3	

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Đắk Tô là huyện miền núi và vùng cao, nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum, bao gồm 9 xã, thị trấn (*Diên Bình, Pô Kô, Tân Cảnh, Kon Đào, Ngọc Tụ, Đắk Rơ Nga, Đắk Trăm, Văn Lem và thị trấn Đắk Tô*), địa giới hành chính huyện giới hạn như sau: Phía Đông giáp huyện Đắk Hà và huyện Tu Mơ Rông; Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi; Phía Nam giáp huyện Sa Thầy và huyện Đắk Hà; Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông, với diện tích tự nhiên là 50.870,31 ha (508,7 km²) chiếm 5,29% diện tích trên toàn tỉnh, dân số huyện năm 2022 có 51.436 người¹.

Thị trấn Đắk Tô là trung tâm huyện lỵ của huyện, được thành lập theo Quyết định 96-HĐBT ngày 30/5/1988 về việc phân chia lại địa giới hành chính huyện An Khê một số xã, thị trấn của các huyện Đắk Tô, Chư Prông, Chư Sê, Krông Chro, Măng Yang thuộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Theo đó, Thị trấn có diện tích 3.953 ha, có địa giới hành chính như sau: phía Tây giáp xã Tân Cảnh và xã Pô Kô, phía Nam giáp xã Diên Bình, phía Đông giáp huyện Đắk Hà, phía Bắc giáp xã Kon Đào, với dân số toàn thị trấn cuối năm 2022 khoảng 14.636 người.

Là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của huyện Đắk Tô. Địa bàn thị trấn Đắk Tô có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế của huyện Đắk Tô, cũng là một thành phần quan trọng trong hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh (*Quốc lộ 14*) là hành lang kinh tế động lực của tỉnh. Theo tuyến đường Hồ Chí Minh, thị trấn Đắk Tô cách thành phố Kon Tum 42 km, cách thị trấn Đắk Hà 20 km, cách thị trấn Plei Kần (*huyện Ngọc Hồi*) 20 km và cách cửa khẩu Quốc tế Bờ Y khoảng 39 km. Như vậy, có thể nói Đắk Tô là trung điểm của các khu vực kinh tế trọng điểm tỉnh Kon Tum. Vị trí địa lý này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cuốn hút vào sự phát triển và chịu ảnh hưởng lớn của những khu vực này trong quá trình giao lưu kinh tế, thu hút đầu tư.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển. Được sự quan tâm hỗ trợ của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương và nỗ lực không ngừng của cấp ủy, chính quyền, toàn thể nhân dân trên địa bàn thị trấn. Năm 2017 thị trấn Đắk Tô đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V theo Quyết định 579/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 và phấn đấu đến năm 2025 thị trấn Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Hiện nay, việc quản lý xây dựng và phát triển đô thị thị trấn Đắk Tô được thực hiện theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND, ngày 24/12/2014 và đồ án Điều chỉnh quy hoạch

¹ Theo Niên giám thống kê huyện Đắk Tô năm 2022.

chung xây dựng cải tạo và mở rộng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 637/QĐ-UB ngày 20 tháng 9 năm 2002. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, đến nay có nhiều bất cập và không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

- Một số nội dung xác định ưu tiên đầu tư trong Đồ án quy hoạch chung, nhưng qua gần 10 năm địa phương vẫn chưa cân đối được nguồn lực để thực hiện, nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, dự án hạ tầng xã hội ... làm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh trên địa bàn và cử tri nhiều lần ý kiến, kiến nghị, đề nghị giải quyết.

- Tỷ lệ lập quy hoạch chi tiết theo định hướng của quy hoạch chung trên địa bàn thị trấn đến nay chiếm tương đối thấp 327,02 ha/1.336,80ha (*chiếm khoảng 24,46%*) trong đó, lập mới theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung được phê duyệt năm 2014 là 239,52ha (*chiếm 17,92%*), kế thừa các đồ án quy hoạch từ giai đoạn trước năm 2014 là 87,50 ha (*chiếm khoảng 6,55 %*). Nên khó khăn trong việc quản lý và lập các dự án đầu tư xây dựng phục vụ xây dựng và phát triển đô thị.

- Việc thực hiện đầu tư các công trình theo quy hoạch hiện nay còn khó khăn, vướng mắc do một số khu vực chưa được lập quy hoạch chi tiết, cũng như không đảm bảo nguồn lực để thực hiện; mặc khác trên phần đất quy hoạch có các công trình xây dựng và nhà ở đã được đầu tư xây dựng ổn định từ lâu, do đó nếu thực hiện theo quy hoạch thì đòi hỏi chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tương đối lớn.

- Một số khu vực được quy hoạch phân khu chức năng, hiện nay không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và không đồng bộ thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư, khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập phát sinh nêu trên đáp ứng các yêu cầu quản lý, đầu tư xây dựng phát triển đô thị, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đảm bảo tính kế thừa, phát huy hết các tiềm năng thế mạnh của đô thị thị trấn Đắk Tô trong bức tranh phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện, vùng liên huyện phía Nam và vùng tỉnh Kon Tum trong giai đoạn hiện nay đến năm 2030 và các giai đoạn phát triển tiếp theo. Làm cơ sở để triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 01/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đắk Tô khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về xây dựng thị trấn Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025, gắn với mở rộng không gian đô thị và hình thành đô thị mới và Chương trình số 61-CTr/HU, ngày 16/01/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 23/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Vì vậy, việc lập đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 là thực sự cấp bách và cần thiết.

II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

1. Các cơ sở pháp lý

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị Quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQ 15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg, ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại toàn quốc giai đoạn 2021-2030.
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật”, Mã số QCVN 07:2016/BXD;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Kế hoạch số 95-KH/TU ngày 22/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
- Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: Quyết định số 1343/QĐ-UBND, ngày 24/12/2014 về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1064/QĐ-UBND, ngày 03/10/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;
- Công văn số 1322/UBND-HTKT ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chủ trương lập điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;
- Nghị quyết số 07-NQ/ĐH, ngày 12/8/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đăk Tô lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị Quyết số 01-NQ/HU ngày 01/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng thị trấn Đăk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV gắn với mở rộng không gian đô thị và hình thành khu đô thị mới;

- Chương trình số 61-CTr/HU ngày 16/01/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TU, ngày 23/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040;

- Chương trình số 64b- CT/HU, ngày 10/3/2023 của Ban Thường vụ huyện ủy về Thực hiện Chương trình số 51-CTr/TU ngày 19/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ chính trị “về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Căn cứ Văn bản số 1330/UBND-NC, ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc gửi danh sách đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Công văn số 661/UBND-KTHT, ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô về việc giao nhiệm vụ triển khai lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;

- Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

2. Các nguồn tài liệu, số liệu liên quan

- Các đồ án quy hoạch chung xây dựng, đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đã được UBND tỉnh phê duyệt và các đồ án quy hoạch chi tiết đã được UBND huyện phê duyệt trên địa bàn thị trấn.

- Các số liệu hiện trạng kinh tế, văn hoá, xã hội liên quan đến khu vực quy hoạch do chủ đầu tư và các ban ngành cung cấp.

- Các số liệu, tài liệu về khí tượng, thủy văn, địa chất, và các số liệu khác có liên quan.

3. Các cơ sở bản đồ

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000 liên quan đến khu vực lập quy hoạch.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Đăk Tô thời kỳ 2021-2030;

- Bản đồ địa chính (*bản đồ giải thửa*) khu vực lập quy hoạch.

III. VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI VÀ QUY MÔ DIỆN TÍCH

1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Kon Đào;
- Phía Nam giáp: Xã Diên Bình;
- Phía Đông giáp: Xã Đăk Long, huyện Đăk Hà;
- Phía Tây giáp: Xã Tân Cảnh và xã Pô Kô.

2. Quy mô diện tích điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND, ngày 24/12/2014 (*sau đây gọi tắt là đồ án 1343*) thì quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch là 1.336,8 ha. Trong đó có một phần diện tích là 112,8 ha nằm dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh thuộc địa giới hành chính của xã Tân Cảnh và được quy hoạch với các chức năng phục vụ phát triển đô thị bao gồm đất ở, đất công trình thương mại dịch vụ, đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Tô đã được UBND tỉnh phê duyệt thì khu vực này đã được cập nhật các chức năng theo quy hoạch chung. Vì vậy, để phù hợp với yêu cầu thực tế phát triển của đô thị thị trấn Đăk Tô thì quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch cần được mở rộng để đảm bảo phủ kín diện tích địa giới hành chính tự nhiên của thị trấn Đăk Tô với diện tích khoảng 3.953 ha làm cơ sở đánh giá thị trấn Đăk Tô đạt đô thị loại IV theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch được đề xuất 2 phương án như sau:

2.1. Phương án 01: Theo địa giới hành chính của thị trấn Đăk Tô.

- Quy mô diện tích toàn thị trấn là 3.953 ha.
- Ưu điểm: Thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước theo địa giới hành chính; Phù hợp với quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nhược điểm: Các chỉ tiêu phát triển đô thị đã được xác định theo đồ án 1343 bị suy giảm, do trong quá trình phát triển đô thị sau khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt đến nay đã định hướng một phần kết cấu hạ tầng đô thị thuộc địa giới hành chính xã Tân Cảnh.

2.2. Phương án 02: Quy mô bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Đăk Tô và một phần diện tích của xã Tân Cảnh.

- Quy mô diện tích là 4.065,8 ha (*bao gồm 3.953 ha của thị trấn Đăk Tô và 112,8 ha thuộc xã Tân Cảnh*).
- Ưu điểm: Các chức năng đô thị đã xác định trong phần diện tích thuộc xã Tân Cảnh theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện đã được phê duyệt là một phần kết cấu hạ tầng đô thị Đăk Tô. Thuận lợi để đánh giá theo các tiêu chí phân loại đô thị và hoàn thành mục tiêu Đăk Tô là đô thị loại IV vào năm 2025. Đồ án Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đăk Tô đã được lập và triển khai thực hiện theo quy hoạch được

duyet (có một phần diện tích đất thuộc thị trấn Đắk Tô và phần lớn thuộc xã Tân Cảnh).

- Nhược điểm: Khó khăn trong công tác quản lý nhà nước giữa đô thị và nông thôn; không phù hợp với định hướng phát triển đô thị thị trấn Đắk Tô theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.3. Quy mô diện tích nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích ưu, nhược điểm của 02 phương án trên, thì phương án 01 phù hợp với các điều kiện hiện trạng về kinh tế - xã hội của đô thị Đắk Tô, đáp ứng được mục tiêu, kế hoạch của huyện cũng như của tỉnh đảm bảo phát triển đô thị Đắk Tô là đô thị loại IV vào năm 2025, là cực phát triển trung tâm của huyện có tác động và thúc đẩy phát triển các khu vực khác trong huyện. Bên cạnh đó, việc lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô theo địa giới hành chính của thị trấn Đắk Tô phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị: “*Phạm vi phân loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đã được công nhận phải trùng với phạm vi dự kiến thành lập, điều chỉnh đơn vị hành chính đô thị*”²

Quy mô diện tích điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung là toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Đắk Tô là **3.953** ha. Trong đó:

- Mở rộng ranh giới diện tích quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô từ 1.224 ha (đã trừ phần diện tích 112,8ha thuộc xã Tân Cảnh trong tổng diện tích QH chung đã được phê duyệt 1.336,8ha) lên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Đắk Tô là khoảng **3.953** ha (làm cơ sở đánh giá thị trấn Đắk Tô đạt đô thị loại IV theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị);

- Kế thừa diện tích đã lập theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 là 1.336,8 ha (trong đó kế thừa 1.224 ha thuộc địa giới thị trấn Đắk Tô và phần diện tích 112,8 ha thuộc xã Tân Cảnh sẽ được rà soát cập nhật vào Đồ án quy hoạch chung nông thôn mới xã Tân Cảnh).

3. Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

² **Cụ thể:** Tại Văn bản số 1330/UBND-NC, ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum gửi Bộ nội vụ về danh sách đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023 – 2025 thì trong giai đoạn 2023-2025, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum đều đảm bảo đạt từ 1 hoặc 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, nên không thuộc diện phải sáp nhập.

PHẦN II

KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ; TÓM LƯỢC QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

I. KHÁI QUÁT CHUNG ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Thị trấn Đăk Tô cách thành phố Kon Tum 42 km về phía Bắc theo đường Hồ Chí Minh, nằm gần giữa trung tâm huyện Đăk Tô, có địa giới hành chính:

- Phía Bắc giáp: Xã Kon Đào;
- Phía Nam giáp: Xã Diên Bình;
- Phía Đông giáp: Xã Đăk Long, huyện Đăk Hà;
- Phía Tây giáp: Xã Tân Cảnh và xã Pô Kô.

Đăk Tô có đường Hồ Chí Minh chạy qua nối Đăk Tô với các huyện trong tỉnh, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung và Nam Lào, Đông Bắc Campuchia. Theo tuyến đường Hồ Chí Minh trung tâm thị trấn Đăk Tô cách thị trấn Đăk Hà 20 km, cách thị trấn Plei Kần (*huyện Ngọc Hồi*) 20 km và cách cửa khẩu Quốc tế Bờ Y khoảng 39 km. Bên cạnh đó, theo tuyến Quốc lộ 40B sẽ tạo điều kiện đưa Đăk Tô gần hơn với thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh duyên hải Miền Trung điều này sẽ tạo thuận lợi cuốn hút vào sự phát triển và chịu ảnh hưởng lớn của những khu vực phát triển này trong quá trình giao lưu kinh tế.

2. Địa hình, địa mạo

Huyện Đăk Tô nằm ở phía Tây của dãy Trường Sơn, địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Phần lớn nằm trên dạng địa hình núi cao trung bình; có thể chia thành 3 dạng địa hình sau:

- Địa hình núi trung bình: Độ cao trung bình so với mặt nước biển 1000-1.800m, gồm các dãy núi phía Bắc và Đông Bắc huyện, khu vực này có độ dốc thường trên 25° . Trong khu vực có nhiều thung lũng hẹp, sâu.
- Địa hình núi thấp: Có độ cao trung bình 800-1.000m, phân bố ở phía Bắc và Đông của huyện, có nhiều thung lũng hẹp và sâu.
- Địa hình gò đồi lượn sóng: Nằm ở độ cao trung bình 550-600m, phân bố ở khu vực phía Nam và Tây Nam.

Thị trấn Đăk Tô nằm ở 2 dạng địa hình: Địa hình núi thấp phân bố phía Đông Bắc và phía Đông, còn lại địa hình gò đồi lượn sóng. Địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.

Nhìn chung, địa hình của thị trấn Đăk Tô nói riêng và huyện Đăk Tô nói chung rất đa dạng và phức tạp. Mức độ chia cắt lớn, độ dốc cao ở phía Bắc và Đông. Địa hình ít dốc, gò đồi lượn sóng ở khu vực phía Nam và Tây Nam. Đặc điểm phức tạp của địa hình Đăk Tô đã tạo ra những cảnh quan phong phú, đa

dạng mạng tính chất đặc thù của tiểu vùng, vừa mang tính đan xen và hoà nhập. Đặc điểm đó ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành các tiểu vùng khí hậu, phân bố mạng lưới giao thông (*nhiều đường nhánh, đường cắt*), phân bố các điểm dân cư; ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (*điện, nước, giao thông, thông tin, phát thanh truyền hình,...*).

3. Khí hậu

a) Nhiệt độ không khí

- Nhiệt độ trung bình: Chế độ nhiệt tại thị trấn Đắk Tô, cũng như toàn huyện Đắk Tô là chế độ nhiệt đới gió mùa Cao Nguyên. Nền nhiệt tương đối cao, nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng theo độ cao, thông thường khi lên cao 100m, nhiệt độ không khí giảm từ 0,5-0,6⁰C. Do địa hình có độ cao thấp dần từ Đông Bắc - Tây Nam, khu vực phía Đông - Bắc có độ cao phổ biến trên 800m, khu vực phía Tây Nam có độ cao phổ biến từ 600-800m, do vậy nhiệt độ tại khu vực phía Tây Nam cao hơn khu vực Đông Bắc phổ biến từ 1-1,5⁰C.

Nhiệt độ không khí tại thị trấn Đắk Tô thấp nhất vào tháng 12, tháng 1 (*trung bình 19⁰C*); đạt cao nhất vào tháng 3, 4, 5 (*trung bình trên 24⁰C*). Tổng nhiệt độ tại thị trấn Đắk Tô ở mức trung bình từ 8100-8300⁰C.

b) Chế độ mưa

Chế độ mưa tại khu vực thị trấn Đắk Tô phụ thuộc vào chế độ gió mùa và địa hình. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 05 cho đến tháng 10 là do tác động của gió mùa Tây Nam mang lại. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau do tác động trực tiếp của gió mùa Đông Bắc là mùa khô. Thị trấn phổ biến là địa hình núi thấp, thung lũng, có độ cao phổ biến 600-800m, có lượng mưa phổ biến là 1900-2300mm.

Trong các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, có một số ngày có mưa, lượng mưa chiếm ít hơn 20% lượng mưa cả năm. Các tháng mùa mưa có số ngày có mưa phổ biến trên 20 ngày (*tháng 6, 7, 8, 9*) và có trên 15 ngày (*tháng 5, tháng 10*).

c) Phân vùng khí hậu

Căn cứ vào các chỉ tiêu nhiệt ẩm, có thể phân huyện Đắk Tô thành 02 tiểu vùng khí hậu, trong đó:

- Thị trấn Đắk Tô thuộc tiểu vùng 1 là khu vực trung tâm và phía Tây Nam huyện, bao gồm các thung lũng, đồi núi thấp, độ cao dưới 800m, bao gồm các xã Kon Đào, Tân Cảnh, Pô Kô, Diên Bình, Ngọc Tụ, Đắk Rơ Nga và thị trấn Đắk Tô chiếm xấp xỉ 2/3 diện tích của huyện. Tiểu vùng 2 là khu vực Đông bắc huyện - khu vực thung lũng hẹp, núi cao có độ cao trên 800m thuộc khu Đông Bắc huyện, bao gồm các xã Văn Lem, Đắk Trăm, chiếm xấp xỉ 1/3 diện tích của huyện Đắk Tô.

- Thị trấn Đắk Tô có điều kiện nhiệt tương đối cao, tổng tích ôn năm từ 8100-8300⁰C. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (*tháng 12; 1*) đạt trên 18⁰C. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất (*tháng 4*) đạt trên 24⁰C. Lượng mưa năm tương đối thấp, phổ biến từ 1900-2000mm, có xu hướng tăng về hướng Đông Bắc. Mùa mưa bắt đầu từ cuối tháng 4, đầu tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng

10. Tháng có lượng mưa và số ngày mưa cao là tháng 7, 8. Thời gian hạn giữa mùa mưa thường xảy ra vào cuối tháng 6, đầu tháng 7. Độ ẩm trung bình năm phổ biến từ 81-82%, đủ ẩm về mùa mưa, thiếu ẩm về mùa khô. Tổng số giờ nắng tương đối cao, phổ biến đạt từ 2100-2200 giờ/năm.

d. Lượng bốc hơi:

Lượng bốc hơi trung bình năm khoảng 1000 mm. Các tháng mùa khô có lượng bốc hơi cao nhất từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau tổng lượng bốc hơi mùa khô khoảng 500mm, lượng bốc hơi trung bình từ 90 - 100 mm/tháng. Qua lượng bốc hơi cho thấy mức độ khô hạn tại huyện nhẹ hơn các khu vực khác trong tỉnh.

e. Gió:

Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa theo 2 hướng chính:

- Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4, hướng gió Đông Bắc, tốc độ gió trung bình từ 3,5 - 5,4 m/s.

- Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, hướng gió Tây và Tây Nam tốc độ gió trung bình từ 1,2 - 2,5 m/s.

4. Thủy văn

Trên địa bàn thị trấn Đắk Tô có sông Đắk Pô Kô, sông Đắk Tơ Kan đi qua và một số nhánh suối nhỏ chảy vào sông Đắk Tơ Kan.

Hệ thống sông Đắk Pô Kô: Có chiều dài 320 km, diện tích lưu vực 2.430 km². Sông Pô Kô bắt nguồn từ dãy núi Đắk Drugok (*Quảng Nam*), chảy theo hướng Bắc-Nam qua địa bàn các huyện Đắk Glei, Ngọc Hồi và vào địa bàn huyện qua các xã Đắk Rơ Nga, Ngọc Tụ, Tân Cảnh, giao nhau với sông Đắk Tơ Kan tại giáp ranh thị trấn Đắk Tô với 02 xã Pô Kô và Tân Cảnh.

Hệ thống sông Đắk Tơ Kan: có chiều dài 47km, diện tích lưu vực 312km². Sông bắt nguồn từ dãy núi Ngọc Pang (*Tu Mơ Rông*), chảy theo hướng Bắc-Nam qua địa bàn các xã Văn Lem, Ngọc Tụ, Kon Đào và thị trấn Đắk Tô, nhập vào sông Đắk Pô Kô tại giáp ranh thị trấn Đắk Tô với 02 xã Pô Kô và Tân Cảnh.

II. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ

1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội:

Thị trấn Đắk Tô trải qua hơn 35 năm hình thành và phát triển, đến nay kết cấu hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp diện mạo đô thị ngày càng được khang trang, hiện đại. Nhiều công trình trọng điểm đã và đang được thi công và đưa vào sử dụng, bên cạnh đó nhà ở của dân cư đô thị thị trấn được nâng cấp đầu tư xây dựng mới theo nhu cầu phát triển kinh tế góp phần tạo nên bộ mặt mới cho đô thị Đắk Tô.

1.1. Về nhà ở

Nhà ở khu vực đô thị Đắk Tô chủ yếu theo dạng nhà ở lô phố liền kề, bám dọc theo các trục giao thông chính như đường Hùng Vương (*đường Hồ Chí Minh*) và các tuyến nội thị đường Âu Cơ, Nguyễn Văn Cừ, Trần Phú..., chiều cao tầng từ 1 đến 4 tầng, một số ít là nhà ở có sân vườn có chiều cao chủ yếu là

1 tầng. Số lượng nhà kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ khoảng 90%, mật độ xây dựng khoảng 80%.

Các khu vực còn lại trên địa bàn thị trấn nhà ở có tầng cao trung bình khoảng 1,2 tầng, chủ yếu là nhà cấp 4, mật độ xây dựng khoảng 30-50% phần lớn có cấu trúc phù hợp với các hoạt động sản xuất và sinh hoạt nông nghiệp - nông thôn.

1.2. Về hệ thống dịch vụ - công cộng:

a) Y tế:

Hiện trạng mạng lưới y tế của huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu về y tế của nhân dân trong huyện. Chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao, đảm bảo 100 % dân cư được chăm sóc y tế ban đầu tại cơ sở.

Hiện trạng hệ thống y tế đô thị có Trung tâm y tế huyện, hạng III với quy mô 150 giường và trạm y tế thị trấn đạt chuẩn quốc gia với quy mô 5 giường. Cơ sở hạ tầng đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân, trang thiết bị phục vụ cho công tác khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư, ngày càng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, 100 % trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ đáp ứng nhu cầu khám, điều trị cho bệnh nhân.

b) Giáo dục:

Trên địa bàn thị trấn Đắk Tô hiện có 01 trung tâm GDNN-GDTX, 02 trường PTTH (*trường PTDT nội trú huyện, trường PTTH Nguyễn Văn Cừ*), 01 trường THCS (*trường THCS Lương Thế Vinh*), 03 trường tiểu học (*trường Lê Quý Đôn, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến*) và 02 trường mầm non (*Bình Minh, Sao Mai*) và một số điểm chăm sóc trẻ tư thục. Hầu hết các trường trên địa bàn thị trấn được xây dựng với quy mô lớn và đạt chuẩn quốc gia.

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, ngành học, đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn thị trấn. Thực hiện tốt chương trình đổi mới giáo dục và tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng để từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học và học theo chương trình đổi mới giáo dục phổ thông. Công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được những kết quả đáng kể, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng được nâng cao, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục của các trường ngày càng được chú trọng đầu tư, nâng cấp đã đáp ứng nhu cầu dạy và học. Tỷ lệ số học sinh đạt tốt nghiệp ngày càng cao, đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục trong tương lai.

c) Văn hóa, thể dục thể thao:

Hiện nay trên địa bàn thị trấn có 02 nhà rông, 01 nhà văn hóa, 03 sân bóng đá 05 người, 01 sân vận động. Thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 100% thôn, khối phố có hội trường/nhà rông/ nhà sinh hoạt cộng đồng.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa - Thông tin tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh toàn diện kể cả về chất và lượng, công tác xây dựng đời

sống văn hóa cơ sở thời gian qua đã được nâng lên đáng kể; mức hưởng thụ về văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền từng bước được nâng cao, phong trào văn hóa văn nghệ được củng cố duy trì hoạt động tốt.

d) Thương mại - dịch vụ:

Các công trình thương mại dịch vụ tại thị trấn gồm chợ Đắk Tô, cửa hàng thương mại, chợ khối 3 (*chợ tạm*) và các cửa hàng xăng dầu số 104 và số 116 được phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn đảm bảo thuận lợi nhất phục vụ cho nhân dân thị trấn. Ngoài ra, các hộ kinh doanh thương mại - dịch vụ trên địa bàn dọc các tuyến giao thông chính của đô thị Đắk Tô cũng góp phần phục vụ nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa cho nhân dân trên địa bàn thị trấn cũng như toàn huyện.

e) Công trình Trụ sở cơ quan:

Các công trình trụ sở cơ quan của huyện, ngành dọc đóng chân trên địa bàn thị trấn và trụ sở làm việc của thị trấn Đắk Tô cơ bản đã được đầu tư xây dựng đầy đủ đảm bảo nhu cầu làm việc của công chức, viên chức của huyện và phục vụ nhu cầu liên hệ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

1.3. Hệ thống, công viên, vườn hoa, sân chơi

Hiện nay, trên địa bàn thị trấn có khuôn viên tượng đài chiến thắng Đắk Tô gắn với Quảng Trung tâm 24/4 đảm bảo đủ không gian lớn để tổ chức các sự kiện quan trọng của huyện và phục vụ nhân dân, cùng với công viên cây xanh khối 5 và công viên cây xanh khối 9 phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, sinh hoạt vui chơi, giải trí cho nhân dân thị trấn Đắk Tô nói riêng và huyện Đắk Tô nói chung. Tuy nhiên, hệ thống, công viên, vườn hoa, sân chơi của thị trấn cần quy hoạch, đầu tư và nâng cấp để đảm bảo tiêu chuẩn không gian cây xanh theo tiêu chí đô thị loại IV phục vụ nhân dân được tốt hơn.

Bảng thống kê các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn thị trấn

TT	Tên công trình	Địa điểm
I	NHÓM CÔNG TRÌNH THUỘC ĐẤT DÂN DỤNG	
1	Công trình giáo dục	
a	Trường Mầm non	
	<i>Trường mầm non Bình Minh</i>	<i>Khối 3</i>
	<i>Trường mầm non Sao Mai</i>	<i>Khối 8</i>
b	Trường tiểu học	
	<i>Trường tiểu học Lê Quý Đôn</i>	<i>Khối 8</i>
	<i>Trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm</i>	<i>Khối 2</i>
	<i>Trường tiểu học Nguyễn Khuyến</i>	<i>Khối 10</i>
c	Trường THCS	
	<i>Trường THCS Lương Thế Vinh</i>	<i>Khối 8</i>
d	Trường THPT	
	<i>Trường PT Dân tộc nội trú huyện Đắk Tô</i>	<i>Khối 9</i>
	<i>Trường THPT Nguyễn Văn Cừ</i>	<i>Khối 8</i>
2	Công trình dịch vụ - công cộng khác	

TT	Tên công trình	Địa điểm
a	Công trình y tế <i>Trạm Y tế thị trấn Đắk Tô</i>	<i>Khối 5</i>
b	Công trình văn hóa <i>Hội trường các khối: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10</i> <i>Nhà rông Đắk Rao Lớn</i>	<i>Tại các khối: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10</i> <i>Tại thôn Đắk Rao Lớn</i>
c	Công trình thương mại <i>Chợ Đắk Tô</i> <i>Cửa hàng thương mại huyện Đắk Tô</i> <i>Cửa hàng xăng dầu số 104 và 116</i>	<i>Khối 8</i> <i>Khối 4</i> <i>Khối 5 và Khối 9</i>
3	Cơ quan, trụ sở đô thị - <i>UBND thị trấn Đắk Tô</i> - <i>Đội thuế thị trấn Đắk Tô</i>	<i>Khối 5</i> <i>Khối 5</i>
4	Cây xanh sử dụng công cộng <i>Quảng trường 24/4 và Công viên tượng đài chiến thắng Đắk Tô</i> <i>Công viên cây xanh Khối 5</i> <i>Công viên cây xanh Khối 9</i>	<i>Khối 3</i> <i>Khối 5</i> <i>Khối 9</i>
II	NHÓM CÔNG TRÌNH THUỘC ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	
1	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu - <i>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện</i> - <i>Trung tâm nghiên cứu phát triển Sâm Ngọc Linh</i>	<i>Khối 9</i> <i>Đường Hùng Vương, TT Đắk Tô</i>
2	Cơ quan, Trụ sở ngoài đô thị - <i>Huyện ủy Đắk Tô</i> - <i>UBND huyện Đắk Tô</i> - <i>Hội trường huyện</i> - <i>Trung tâm chính trị Đắk Tô</i> - <i>UBMT TQVN và các đoàn thể chính trị – xã hội</i> - <i>Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn</i> - <i>Phòng Văn hóa thông tin và Phòng Y tế</i> - <i>Phòng Tài chính - Kế hoạch</i> - <i>Phòng giáo dục đào tạo huyện Đắk Tô</i> - <i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i> - <i>Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Du lịch và Truyền thông</i> - <i>Trung tâm Viễn thông Đắk Hà – Đắk Tô – Tu Mơ Rông</i> - <i>Trạm thủy văn</i>	<i>Khối 3</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 5</i> <i>Khối 5</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 8</i> <i>Khối 3</i> <i>Khối 7</i> <i>Khối 10</i> <i>Khối 7</i>

TT	Tên công trình	Địa điểm
-	Chi cục thuế khu vực số 02	Khối 8
-	Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô	Khối 5
-	Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô	Khối 5
-	Bảo hiểm xã hội huyện Đắk Tô	Khối 8
-	Hạt kiểm lâm huyện Đắk Tô	Khối 5
-	Viện kiểm sát huyện Đắk Tô	Khối 8
-	Kho bạc huyện Đắk Tô	Khối 8
-	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	Khối 8
-	Trạm khí tượng huyện Đắk Tô	Khối 8
-	Trạm thủy nông huyện Đắk Tô	Khối 8
3	Công trình dịch vụ, du lịch	
-	Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị	Khối 8
-	Bưu điện huyện Đắk Tô	Khối 4
-	Điện lực Đắk Tô	Khối 5
-	Ngân hàng Chính sách xã hội	Khối 5
-	Ngân hàng NN & PTNT huyện Đắk Tô	Khối 8
-	Ban quản lý thủy điện Đắk Psi	Khối 9
-	Hạt quản lý đường bộ Đắk Tô	<i>Đường Hùng Vương, TT Đắk Tô</i>
-	Đội quản lý thị trường số 2	<i>Đường Hùng Vương, TT Đắk Tô</i>
-	Cty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	<i>Đường Hùng Vương, TT Đắk Tô</i>
4	Trung tâm y tế	
-	<i>Trung tâm y tế huyện Đắk Tô</i>	<i>Khối 9</i>
5	Trung tâm văn hóa, TDTT	
-	<i>Nhà văn hóa huyện</i>	<i>Khối 4</i>
-	<i>Quảng trường 24 tháng 4</i>	<i>Khối 3</i>
-	<i>Sân vận động huyện Đắk Tô</i>	<i>Khối 8</i>
-	<i>Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đắk Tô</i>	<i>Khối 7</i>
6	Di tích, tôn giáo	
a	Di tích	
-	<i>Khu di tích đặc biệt chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh</i>	<i>Khối 7</i>
b	Tôn giáo	
-	<i>Chùa Thiên Lâm</i>	<i>Đường Lê Văn Hiến, TT Đắk Tô</i>
-	<i>Chùa Phước Thành</i>	<i>Đường Chu Văn An, TT Đắk Tô</i>

2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

2.1. Hệ thống giao thông:

Bên cạnh các công trình trọng điểm, được trung ương, tỉnh quan tâm đầu tư như đường Hồ Chí Minh, tuyến Quốc lộ 40B, đường tỉnh lộ tái định cư thủy điện Plei Krông qua địa bàn thị trấn. Hệ thống đường đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp, đến nay có trên 85% đường trục chính, đường nhánh, đường hẻm trên địa bàn thị trấn được cứng hóa. Diện mạo đô thị từng bước được cải thiện và khang trang.

Tổng chiều dài các tuyến giao thông đô thị là 49,66km, trong đó các tuyến đường có chất lượng mặt đường tốt dài 37,62km (*chiếm khoảng 75,76%*), chất lượng mặt đường trung bình 4,62km (*chiếm khoảng 9,52%*), còn lại 7,31km chưa đảm bảo chất lượng (*chiếm khoảng 14,72%*).

2.2. Hệ thống cấp nước:

Hiện tại, chỉ dọc tuyến đường Hùng Vương, Lê Duẩn, 24 tháng 4, Chiến Thắng... đã có đầu tư hệ thống cấp nước tập trung của công ty TNHH Utility Water (Việt Nam) và hiện nay đơn vị đang hoàn thiện các thủ tục để cấp nước theo quy định; các khu vực còn lại của thị trấn chưa có hệ thống cấp nước tập trung, người dân dùng nước từ giếng đào (*chiều sâu giếng trung bình 15m*), giếng khoan (*chiều sâu giếng trung bình khoảng 75-80m*) để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

2.3. Hệ thống thoát nước:

Trên địa bàn thị trấn Đắk Tô một số tuyến đường chính đã được đầu tư hệ thống thoát nước đô thị nhưng chưa đồng bộ, chưa có hệ thống thoát thu gom và xử lý nước thải, toàn bộ các công trình công cộng đều sử dụng hệ thống tự tiêu, tự thấm và thoát theo địa hình tự nhiên. Thoát nước mưa các khu vực cơ quan và công trình công cộng. Hầu hết có rãnh thoát nước xung quanh công trình, sau đó thải ra hệ thống rãnh chung theo trục đường lớn của thị trấn và thoát ra hệ thống khe, suối.

Tại các khu dân cư: Nước mưa, mặt được thoát cục bộ từng khu vực dựa vào hệ thống rãnh chảy chung của từng cụm dân cư nhỏ hoặc hệ thống mương thoát nước của các tuyến giao thông, sau đó chảy ra sông, suối.

2.4. Cấp điện, chiếu sáng:

Nguồn điện cấp cho huyện từ trạm 110kV Đắk Tô có công suất 16MVA và trạm 110kV Bột giấy Tân Mai với công suất 63MVA. Mạng lưới điện hạ thế từng bước được cải thiện và nâng cấp, đã đến hầu hết số hộ dân sử dụng điện.

Khu vực trung tâm thị trấn có điện áp đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, các công trình công cộng, dịch vụ thương mại và sản xuất. Hệ thống điện chiếu sáng đã được đầu tư trên 80% các tuyến đường trong nội thị, ngõ hẻm.

2.5. Vệ sinh môi trường và nghĩa trang:

Hiện tại, việc thu gom và xử lý CTR do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đặt hàng cho Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị huyện Đắk Tô chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện, trang thiết bị để thu gom và vận chuyển đến

khu chôn lấp xử lý CTR. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt khoảng 95%. Rác thải được vận chuyển đến chôn lấp tại bãi xử lý rác thải tại thôn 1, xã Tân Cảnh.

Hiện tại thị trấn Đắk Tô sử dụng nghĩa trang huyện Đắk Tô được quy hoạch và đầu tư xây dựng tại xã Tân Cảnh. Trong thời gian tới, nghĩa trang này sẽ tiếp tục đầu tư hạ tầng, đây sẽ là nghĩa trang chính phục vụ nhu cầu chôn cất của người dân thị trấn.

3. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, kết cấu hạ tầng đô thị Đắk Tô được quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp ngày càng hoàn thiện, diện mạo đô thị ngày càng khang trang hiện đại. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, hạn chế về nguồn vốn, về quy hoạch định hướng các khu chức năng đô thị có sự thay đổi để phù hợp với điều kiện thực tế phát triển xã hội, làm ảnh hưởng đến mục tiêu đề đô thị Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025. Với kết quả cuối năm 2022, đầu năm 2023³, cụ thể như sau:

3.1. Các tiêu chí đô thị loại IV của thị trấn:

a) Số tiêu chí đạt: 3/5 tiêu chí (Tiêu chí số 1,2 và Tiêu chí số 4). Trong đó:

Các tiêu chuẩn phụ đạt là 38/50 tiêu chuẩn gồm:

+ 28 tiêu chuẩn (thuộc tiêu chí số 5: trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị).

+ 08 tiêu chuẩn (thuộc tiêu chí 1: vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KT-XH).

+ 01 tiêu chuẩn (thuộc tiêu chí 2: quy mô dân số).

+ 01 tiêu chuẩn (thuộc tiêu chí 4: tỷ lệ lao động phi nông nghiệp).

b) Số tiêu chí không đạt: 2/5 tiêu chí (Tiêu chí 3: Mật độ dân số; Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị) Trong đó:

Tổng số tiêu chuẩn không đạt: 12 tiêu chuẩn

+ 11 tiêu chuẩn (thuộc tiêu chí 5: trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị)

+ 01 tiêu chuẩn (thuộc Tiêu chí 3: Mật độ dân số).

3.2. Một số chỉ tiêu kết cấu hạ tầng đô thị chưa đạt theo đánh giá các nhóm tiêu chuẩn trong tiêu chí số 5 (Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị) theo phân loại đô thị loại IV:

- Về nhóm tiêu chuẩn hạ tầng xã hội: Chưa đạt do hiện nay thị trấn Đắk Tô chưa có công trình thể dục, thể thao cấp đô thị.

- Về nhóm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật:

+ Công trình đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô) chưa đạt.

³ Theo Báo cáo số 92/BC-UBND, ngày 21/3/2023 của UBND huyện Đắk Tô về việc đánh giá các tiêu chí đô thị loại IV của thị trấn Đắk Tô.

+ Cấp nước sinh hoạt (theo NQ 26/2022/UBTVQH15 là mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người) chưa đạt.

+ Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (theo NQ 26/2022/UBTVQH15 là tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh) chưa đạt.

- Về nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật chưa đạt.

III. TÓM LƯỢC QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Tóm lược nội dung đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt:

Đồ án quy hoạch chung thị trấn được lập để phục vụ quản lý và phát triển đô thị từ những ngày đầu thành lập thị trấn Đắk Tô, năm 2002 đồ án quy hoạch chung được điều chỉnh tại Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng cải tạo và mở rộng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 637/QĐ-UB ngày 20 tháng 9 năm 2002 (sau đây gọi tắt là *Đồ án 637*). Đến năm 2014, đồ án 637 tiếp tục được điều chỉnh bởi Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 (sau đây gọi tắt là *Đồ án 1343*), gồm các nội dung sau:

1.1. Phạm vi ranh giới; tính chất, chức năng đô thị.

a) *Phạm vi ranh giới*: Quy hoạch 1343 được lập với tổng diện tích khoảng 1.336,8 ha; có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp xã Kon Đào, phía Nam giáp xã Diên Bình và xã Pô Kô, phía Đông giáp Suối và đèo thông, Phía Tây giáp Tuyến đường dây 500 KV (xã Tân Cảnh).

b) Tính chất, chức năng đô thị:

- Là trung tâm tổng hợp, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của huyện Đắk Tô và khu vực.

- Là một trong những Trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh Kon Tum và khu vực Tây Nguyên.

1.2. Các dự báo về quy mô dân số, đất đai, hướng phát triển đô thị.

a) Dân số: Dự báo dân số toàn đô thị đến năm 2025 khoảng 30.000 người.

b) Đất đai: Dự báo đến năm 2025 diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 729 ha chiếm tỷ lệ 54,54%.

c) Hướng phát triển đô thị: Dự kiến đô thị phát triển theo 3 hướng chính là hướng Bắc, hướng Tây Bắc và hướng Đông như sau:

- Hướng Bắc là khu trung tâm hành chính - chính trị và dân cư phía Bắc, phát triển dọc theo Quốc lộ 40B (Tỉnh lộ 672 cũ).

- Hướng Tây Bắc là khu trung tâm thể dục, thể thao, tiêu thụ công nghiệp, khu công cộng và dân cư phía Tây sông Đắk Tô Kan, phát triển dọc theo Quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh) và tuyến đường tránh Quốc lộ 14.

- Hướng Đông là khu thương mại dịch vụ, giáo dục kết hợp nghỉ dưỡng và dân cư phía Đông sông Đắk Tô Kan.

1.3. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và các khu chức năng chính của đô thị.

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của khu vực được chia làm 5 khu vực chính như sau:

- Khu vực Trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa và dân cư: Diện tích khoảng 78 ha, nằm ở phía Bắc của khu vực quy hoạch. Bao gồm các khu chức năng hành chính, chính trị, văn hóa và khu dân cư hiện trạng chỉnh trang, mật độ cao của đô thị. Khu vực này cơ bản giữ nguyên, cải tạo và chỉnh trang để tạo sự thống nhất và đồng bộ về kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Khu vực thương mại dịch vụ, giáo dục kết hợp khu nghỉ dưỡng và dân cư: Diện tích khoảng 230 ha, nằm ở phía Đông sông Đắk Tô Kan. Đây là khu vực bao gồm các khu chức năng về thương mại dịch vụ, giáo dục, dân cư và tại phía Đông của khu vực quy hoạch là khu cây xanh sinh thái, nghỉ dưỡng của khu vực. Các công trình về thương mại, dịch vụ, nhà ở kết hợp thương mại được phép xây dựng với mật độ cao, các khu vực ở và dịch vụ du lịch được xây dựng với mật độ thấp để đảm bảo không gian cây xanh.

- Khu trung tâm thể dục thể thao, tiểu thủ công nghiệp, công trình công cộng và dân cư: Diện tích khoảng 332 ha, nằm ở phía Tây sông Đắk Tô Kan. Đây là khu vực bao gồm các công trình về thể dục thể thao, khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và khu dân cư xây dựng mới của đô thị. Khu vực được quy hoạch xây dựng với mật độ thấp phía Tây sông Đắk Tô Kan.

- Khu vực Trung tâm Y tế, công trình công cộng, khu vực công viên cây xanh: Diện tích khoảng 250 ha, nằm ở phía Nam quy hoạch. Bao gồm các công trình về Y tế, công cộng, dịch vụ và công viên cây xanh phục vụ cho đô thị.

- Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dân cư phía Nam: Là khu vực bố trí xây dựng khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (*nhà máy bột giấy và Giấy Tân Mai*) và khu ở hiện trạng, cải tạo của làng đồng bào dân tộc thiểu số trong khu vực.

b) Không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Công trình công cộng: Gồm các khu đất có chức năng xây dựng công trình công cộng, trụ sở cơ quan, văn phòng, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... phục vụ người dân trong khu vực. Được xây dựng với tầng cao tối thiểu 02 tầng, tối đa 06 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 6m.

- Công trình nhà ở: Gồm các khu đất xây dựng nhà ở hiện trạng cải tạo, nhà vườn, nhà làng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó nhà hiện trạng cải tạo, nhà ở mật độ cao được xây dựng tầng cao 2 - 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%, khoảng lùi xây dựng tại một số tuyến đường có thể xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ. Nhà mật độ thấp được xây dựng tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%, khoảng lùi tối thiểu 3m. Nhà làng đồng bào dân tộc thiểu số

được xây dựng tầng cao tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 3m.

- Công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 6m.

- Công trình khu cây xanh vườn hoa: Có chức năng công viên, vườn hoa, cây xanh, sân chơi cho trẻ em, đường dạo... Được xây dựng với tầng cao tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 3m.

1.4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

a) San nền:

- Hạn chế san gạt, tránh phá vỡ địa hình tự nhiên quá lớn. Xây dựng kè đá tại các mái taluy để chống sạt lở chân công trình.

- Khai thác tối đa mặt bằng và diện tích đất để tạo quỹ đất xây dựng nhà ở, các công trình dịch vụ công cộng.

- Tạo hướng dốc địa hình thuận lợi cho việc tổ chức hướng thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt. Có giải pháp kỹ thuật hỗ trợ như kè, thảm cỏ để chống xói mòn làm biến đổi địa hình khu đất, chống sạt lở.

b) Thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước bản riêng với đầy đủ các thành phần và chức năng của hệ thống thoát nước mưa đô thị.

- Hướng thoát nước: Nước mưa thoát chính về các hợp thủy, khe suối rồi ra sông Đắk Tô Kan.

- Phân lưu vực: Khu vực quy hoạch được chia làm 5 lưu vực chính như sau:

+ Lưu vực 1: Giới hạn bởi phía Nam đường Trường Chinh, chảy dọc các tuyến đường và chảy ra suối.

+ Lưu vực 2: Giới hạn bởi phía Nam đường Trần Hưng Đạo, phía Đông đường Hùng Vương, phía Bắc đường Trường Chinh, phía Đông ranh giới quy hoạch, chảy dọc các tuyến đường ra suối Hồ Sen, sông Đắk Tô Kan.

+ Lưu vực 3: Giới hạn bởi phía Nam đường Trần Hưng Đạo, phía Đông sông Đắk Tô Kan, phía Bắc đường Trường Chinh, phía Tây đường Hùng Vương, chảy dọc các tuyến đường ra suối Hồ Sen, Sông Đắk Tô Kan.

+ Lưu vực 4: Giới hạn bởi phía Bắc đường Trần Hưng Đạo, chảy dọc các tuyến đường ra suối cầu Sập, suối Đắk Sing, sông Đắk Tô Kan.

+ Lưu vực 5: Giới hạn bởi phía Tây sông Đắk Tô Kan, chảy dọc các tuyến đường ra sông Đắk Tô Kan.

- Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống cống bê tông li tâm với kích thước đường kính D600mm - D1500mm bố trí trong phạm vi vỉa hè các tuyến đường.

- Các miệng xả: Được thiết kế bằng BTCT kiên cố đi kèm với giải pháp

chống xói mòn khu vực miệng xả. Các miệng xả được tính toán tương ứng với khả năng thoát nước của từng lưu vực.

c) Quy hoạch mạng lưới giao thông:

* *Định hướng giao thông đối ngoại:*

- Trục đường Hồ Chí Minh (*đường Hùng Vương*). Đây là tuyến trục chính của đô thị nối liền huyện Đắk Tô với các đô thị lân cận như: huyện Ngọc Hồi, huyện Đắk Hà, thành phố Kon Tum.... Được quy hoạch với lộ giới 32m.

- Trục đường Quốc lộ 40B (*đường Lê Duẩn*) đây là trục giao thông đối ngoại nối liền huyện Đắk Tô với huyện Tu Mơ Rông và đi Quảng Nam được mở rộng, nâng cấp với lộ giới 32m.

- Tuyến đường tránh Hồ Chí Minh qua thị trấn Đắk Tô: Được quy hoạch xây dựng cho giai đoạn sau và đi về phía Tây của đô thị, các trục chính giao với đường tránh được tổ chức nút giao thông khác cốt, còn các trục phụ tổ chức đường gom song song với đường tránh.

* *Định hướng giao thông nội thị:*

- Các tuyến đường nội thị hình thành các trục chính, trục trung tâm và các đường khu vực gồm:

- Đường trục chính đô thị, liên khu vực: Lộ giới 18-32m.

+ Đường Nguyễn Thị Minh Khai (*từ đường Hùng Vương đến đường tránh*) với lộ giới 32m.

+ Các tuyến đường quy hoạch dọc khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lộ giới 27m.

+ Quy hoạch đường hai bên bờ sông Đắk Tô Kan với lộ giới 18m.

- Các tuyến hiện trạng như: Đường: Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Trần Phú, Nguyễn Văn Trỗi, Phạm, Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Cừ, A Tua, Hồ Xuân Hương.... Được quy hoạch mở rộng với lộ giới đường 18m.

- Bến xe: Quy hoạch bến xe nằm ở phía Nam thị trấn, diện tích khoảng 17.115m².

d) Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước tại thượng nguồn sông Đắk Tô Kan (suối Đắk Sing). Nhà máy xử lý nước mặt được xây dựng tại phía Tây của khu vực quy hoạch.

- Mạng lưới đường ống cấp:

+ Giai đoạn năm 2015: Sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính DN315, DN250, DN200 cho các tuyến ống chính; đường kính DN160, DN110 cho các tuyến ống nhánh; đường kính DN90, DN50 đến các nhu cầu dùng nước

+ Giai đoạn đến năm 2025: Lắp đặt thêm các tuyến ống với đường kính DN250, DN200 cho các tuyến ống chính; đường kính DN160, DN110 cho các tuyến ống nhánh; đường kính DN90, DN50 đến các nhu cầu dùng nước.

e) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp điện: Hiện tại khu quy hoạch sử dụng nguồn điện được lấy từ lưới điện quốc gia, đấu nối từ xuất tuyến 473, 475 của trạm biến áp E46 110/22KV Đắk Tô.

- Mạng lưới và giải pháp quy hoạch:

+ Lưới trung thế: Mạng 3 pha 3 dây 22KV chạy trên trụ bê tông li tâm

+ Lưới hạ thế, chiếu sáng: Mạng hạ thế là mạng 3 pha 4 dây 380/220V, Cáp vặn xoắn ABC đi nổi trên trụ bê tông lõi thép nằm dọc theo hầu hết các tuyến đường giao thông.

f) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

* *Thoát nước thải:*

- Xây dựng hệ thống thoát nước bản riêng, tách biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải từ các hộ gia đình, các công trình công cộng, khu dịch vụ, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... được xử lý sơ bộ bằng bể lắng hoặc bể tự hoại trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải của khu vực và được đưa về trạm xử lý.

- Mạng lưới đường ống: Đường ống thu gom nước thải của khu vực bao gồm các tuyến ống có áp và các tuyến ống tự chảy đường kính ống từ D200mm đến D400mm; để thu gom về trạm xử lý tập trung.

- Trạm xử lý: Quy mô trạm xử lý khoảng 4ha, đặt ở Tây Nam (*khu vực tập trung của các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*).

* *Rác thải:*

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở các khu dân cư: Sử dụng các thùng rác công cộng để thu gom, lắp đặt các thùng rác trên các tuyến phố, lượng rác này sẽ đưa đến trạm trung chuyển rác và đưa về khu xử lý nhờ xe cơ giới.

- Tại các khu chợ, khu công cộng, khu dịch vụ: Rác được thu gom về trạm trung chuyển và đưa về trạm xử lý bằng xe cơ giới.

Bố trí trạm 3 trạm trung chuyển trên các tuyến đường Phạm Văn Đồng, Lạc Long Quân, đường 24/4 thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh của khu vực. Từ trạm trung chuyển toàn bộ lượng rác này sẽ đưa về khu xử lý chất thải tập trung.

2. Đánh giá việc triển khai thực hiện đồ án quy hoạch sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2.1. Việc tổ chức lập (lập mới, điều chỉnh) quy hoạch chi tiết nhằm cụ thể hóa quy hoạch chung.

Sau khi đồ án 1343 được phê duyệt. Ngoài kế thừa các đồ án quy hoạch chi tiết đã lập theo định hướng của đồ án 637, các quy hoạch chi tiết đã được lập mới, điều chỉnh nhằm cụ thể hóa quy hoạch chung theo đồ án 1343 được tổng hợp như sau:

a) Các đồ án được lập mới và điều chỉnh theo đồ án 1343:

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 16/08/2017 với quy mô 146,76 ha.

- Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 với quy mô 50,0 ha.

- Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực phía Bắc đường Trường Chinh, khối 9, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 với quy mô 18 ha (*trong đó 13,5ha lập mới và kế thừa 1 phần diện tích của đồ án QHCT Nam Trường Chinh là khoảng 4,5ha*).

- Đồ án Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp và dịch vụ 24/4, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 với quy mô 24,76 ha.

b) Các đồ án quy hoạch chi tiết được kế thừa theo đồ án 637.

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu phía Nam đường Trường Chinh, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 832/QĐ-UB ngày 29/12/2006 với quy mô 80,0 ha (*hiện nay, khoảng 4,5 ha đã được chuyển sang đồ án QHCT phía Bắc đường Trường Chinh*).

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được UBND huyện Đắk Tô phê duyệt tại Quyết định số 616/QĐ-UB ngày 18/8/2008 với quy mô 12,0 ha.

Bảng tổng hợp các Quy hoạch trên địa bàn thị trấn Đắk Tô

TT	Tên quy hoạch	Số QĐ	Năm QH	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Quy hoạch chung			1.336,80	100
1	Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	1343/QĐ-UBND	24/12/2014	1.336,80	100
II	Quy hoạch chi tiết			327,02	24,46
1	Các đồ án QHCT Cụ thể hóa đồ án 1343			239,52	17,92
1.1	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	278/QĐ-UBND	16/08/2017	146,76	10,98
1.2	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	723/QĐ-UBND	31/12/2019	50,00	3,74

TT	Tên quy hoạch	Số QĐ	Năm QH	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.3	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực phía Bắc đường Trường Chinh, khối 9, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	653/QĐ-UBND	20/12/2021	18,00	1,35
1.4	Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp và dịch vụ 24/4, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	695/QĐ-UBND	30/12/2021	24,76	1,85
2	<i>Các QHCT được kế thừa theo đồ án 637</i>			87,50	6,55
2.1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu phía Nam đường Trường Chinh, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	832/QĐ-UB	29/12/2006	75,50 (80)	5,65
2.2	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	616/QĐ-UBND	18/08/2009	12,00	0,90

Đến nay, các quy hoạch chi tiết đã được lập trên địa bàn thị trấn nhằm cụ thể hóa theo đồ án quy hoạch chung có quy mô khoảng 327,02 ha /1.336,8ha (*chiếm tỷ lệ khoảng 24,46%*). Trong đó: Kế thừa các quy hoạch chi tiết trước khi đồ án 1343 được phê duyệt (*theo định hướng của đồ án 637*) có quy mô khoảng 87,5ha (*chiếm tỷ lệ khoảng 6,55%*); Lập mới và điều chỉnh theo định hướng đồ án 1343 có quy mô khoảng 239,52ha (*chiếm tỷ lệ khoảng 17,92%*).

- Trong thời gian qua, nguồn ngân sách huyện gặp nhiều khó khăn; kinh phí để thực hiện việc lập quy hoạch chi tiết cho mỗi khu vực khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng, nên việc tổ chức triển khai lập quy hoạch chi tiết theo lộ trình hằng năm cho từng khu vực chưa được triển khai thực hiện. Do đó, thời gian qua tỷ lệ lập quy hoạch chi tiết/quy hoạch chung nhằm cụ thể hóa quy hoạch chung 1343 của huyện là tương đối thấp (*17,92%*), nên chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định⁴ (*tối thiểu phải đạt 50%*).

2.2. Việc thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội - kỹ thuật theo định hướng quy hoạch chung.

Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, cùng với sự hỗ trợ đầu tư của các cấp, các ngành, tại địa bàn thị trấn Đăk Tô đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp cải tạo một số công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo định hướng quy hoạch chung như sau:

a) Về giao thông:

⁴ Kế hoạch 859/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về thực hiện Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực xây dựng.

- Giao thông đối ngoại: Các tuyến đường Quốc lộ đi qua địa bàn huyện như: đường Hồ Chí Minh, đường Quốc lộ 40B đoạn qua nội thị đã được đầu tư xây dựng mặt cắt ngang rộng 32m.

- Giao thông nội thị:

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí nguồn kinh phí để đầu tư, hoàn thiện hệ thống các tuyến đường nội thị, từng bước hoàn thiện hạ tầng khung khu vực nội thị, một số tuyến đường đã được thi công và bàn giao đưa vào sử dụng như: Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng), đường Chu Văn An (Đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú); Đường A Sanh, đường Lạc Long Quân, đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), đường Lê Quý Đôn, đường A Dừa, đường Phạm Văn Đồng, đường Huỳnh Đăng Thơ, đường Hai Bà Trưng, đường Âu Cơ.

+ Bê tông hóa các tuyến đường trong nội thị thị trấn Đắk Tô với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” (từ năm 2015 đến nay Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Tô phối hợp với Mặt trận và các Hội đoàn thể thị trấn vận động nhân dân hiến đất, cây trồng, đóng góp kinh phí và ngày công lao động để đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 45 tuyến đường bê tông ngõ hẻm có tổng chiều dài 7.750 m, với tổng kinh phí 9.678 triệu đồng, trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ 6.740 triệu đồng, kinh phí nhân dân đóng góp 2.938 triệu đồng. Đến nay về cơ bản các đường trục chính, đường nhánh, đường hẻm trên địa bàn thị trấn Đắk Tô được cứng hóa khoảng 80% và đạt khoảng 40% so với quy hoạch chung đến năm 2025).

+ Bên cạnh đó đối với các tuyến đường nội thị hình thành các trục chính, trục trung tâm, đường kết nối khu vực theo quy hoạch; Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện giao Ban quản lý dự án đầu tư thực hiện các hồ sơ và thủ tục có liên quan để thực hiện đầu tư một số tuyến đường trong thời gian đến như: Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Văn Trỗi), Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng); đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)...

b) Về hệ thống điện:

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của ngành điện, đã đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống điện trên địa bàn thị trấn Đắk Tô để đảm bảo hệ thống điện được sử dụng an toàn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân và sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn thị trấn; cụ thể trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay ngành điện đã đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới mạng lưới truyền tải các cấp điện áp với tổng chiều dài 9,508 Km và 09 trạm biến áp với tổng dung lượng 5,995 KVA; Đến nay đã đảm bảo chỉ tiêu cấp điện: 1000kwh/người.năm; chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng, chiếu sáng công cộng: 30%Qsh; chỉ tiêu cấp điện CN-TTCN: 250kw/ha.

c) Về hệ thống cấp nước sinh hoạt:

Theo định hướng đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt theo phương án 1 (*sử dụng nguồn cấp nước mặt từ suối Đăk Sing, nhà máy xử lý nước mặt được xây dựng tại khối 2, thị trấn Đăk Tô (phía Tây của khu vực quy hoạch) và mạng lưới cấp nước tập trung*) theo quy hoạch chung được duyệt như sau:

+ Quy mô công suất đến năm 2025: 6.000 ($m^3/ngày.đêm$).

+ Đường ống cấp nước: Lắp đặt các tuyến ống với đường kính DN250, DN200 cho các tuyến ống chính; đường kính DN160, DN110 cho các tuyến ống nhánh; đường kính DN90, DN50 đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dùng nước.

* Hiện nay, Công ty TNHH Utility Water (*Việt Nam*) đang triển khai dự án Nhà máy nước sạch Đăk Tô, đến nay đơn vị thi công xong hạng mục Nhà máy xử lý nước và cơ bản hoàn thiện một số tuyến đường ống cấp nước tại các trục đường chính thuộc thị trấn Đăk Tô (*Hùng Vương, Lê Duẩn, 24 tháng 4, Chiến Thắng, Nguyễn Sinh Sắc, Nguyễn Văn Cừ, Đinh Núp...*) và đang tiếp tục triển khai thi công đường ống cấp nước tại một số tuyến đường trong nội thị thị trấn Đăk Tô theo chủ trương điều chỉnh dự án tại Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì Quy mô công suất cung cấp nước đến năm 2025 sẽ 10.000 ($m^3/ngày.đêm$) sẽ đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt liên tục hằng ngày, hợp vệ sinh theo quy định cho nhân dân trên địa bàn thị trấn Đăk Tô.

2.3. Khó khăn, vướng mắc.

Trong thời gian qua, do khó khăn về nguồn kinh phí, nên huyện chưa lập quy hoạch chi tiết tại một số khu vực để cụ thể hóa quy hoạch chung 1343. Dẫn đến tỷ lệ quy hoạch chi tiết/quy hoạch chung còn thấp, nên gặp khó khăn trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác quỹ đất và triển khai các dự án trên địa bàn huyện góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Quá trình thực hiện quản lý và phát triển đô thị.

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô với mục tiêu phấn đấu xây dựng thị trấn Đăk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu đảng bộ huyện Đăk Tô lần thứ XVIII. Bên cạnh đó, sau hơn 08 năm triển khai thực hiện quy hoạch, có nhiều nội dung còn bất cập, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

- Một số nội dung xác định ưu tiên đầu tư trong Đồ án quy hoạch 1343, nhưng qua 08 năm địa phương vẫn chưa cân đối được nguồn lực để thực hiện, nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, dự án hạ tầng xã hội ... làm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh trên địa bàn và cử tri trên địa bàn thị trấn Đăk Tô đã ý kiến, kiến nghị nhiều lần.

- Việc thực hiện đầu tư các công trình theo quy hoạch hiện nay còn khó khăn, vướng mắc do không đủ nguồn lực để thực hiện; mặc khác trên phần đất quy hoạch có các công trình xây dựng và nhà ở đã được đầu tư xây dựng ổn định từ lâu, do đó nếu thực hiện theo quy hoạch thì đòi hỏi chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tương đối lớn.

- Một số khu vực được quy hoạch làm khu chức năng hiện nay không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và không đồng bộ thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư, khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

* Từ những lý do trên, việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Tô là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng quy hoạch và thuận lợi trong quản lý, đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư, khai thác quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO CÁC QUY HOẠCH CẤP CAO HƠN VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ; PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH TẠI QUY HOẠCH CẤP TỈNH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC DỰ ÁN ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI LIÊN QUAN ĐẾN PHẠM VI QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ.

1. Các định hướng phát triển đô thị theo các quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch vùng huyện, kế hoạch phát triển theo chương trình phát triển đô thị.

1.1. Định hướng phát triển đô thị theo quy hoạch cấp tỉnh⁵

a. Giai đoạn 2021-2025: Phân đấu trở thành đô thị đạt tiêu chuẩn loại IV. Quy mô dân số: 21.000 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 40%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 0,77-1,0%.

- Đô thị có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11-16%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8 m². Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người lại khu vực đô thị đạt trên 24 m².

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

b. Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nâng cao chất lượng đô thị, đồng thời hoàn thiện các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại IV. Quy mô dân số: 23.000.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 45%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt trên 1,0%.

- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu của đô thị đạt 100%.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt trên 16%. Diện tích cây

⁵ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị Quyết số 16-NQ/TU, ngày 23/8/2022 của Tỉnh ủy Kon Tum Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8-10 m². Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt trên 30 m².

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động tiên tiến nhất: tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

c. Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình của cả nước. Đô thị có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

1.2. Kế hoạch phát triển theo chương trình phát triển đô thị⁶

a) Đến năm 2025

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 30%, tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt 2-2,5%.

- Xây dựng thị trấn Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 gắn với mở rộng không gian đô thị và hình thành đô thị mới theo Nghị quyết số 01- NQ/HU.

- Hoàn thành điều chỉnh tổng thể Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 -16%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 24 - 26 m². Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt trên 24 m².

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đạt trên 95% hộ gia đình tại đô thị; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

b) Đến năm 2030

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 40%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt trên 2,5 %.

- Phân đầu giữ vững và phát huy các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt đô thị loại IV (vào năm 2025) đối với đô thị thị trấn Đắk Tô theo Nghị quyết số 01-NQ/HU đã đề ra.

- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết đạt 50% trên quy hoạch chung.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt trên 16%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 29 - 31m². Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 30 m².

⁶ Chương trình số 61-CTr/HU, ngày 16/01/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị Quyết số 16-NQ/TU, ngày 23/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động tiên tiến nhất: tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

c) Tầm nhìn đến năm 2045:

Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình của cả nước. Đô thị có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch cấp tỉnh và tác động của các dự án đang được triển khai liên quan đến phạm vi quy hoạch chung đô thị.

Theo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được lập và đang trong quá trình thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thị trấn Đắk Tô được xác định như sau:

2.1. Tính chất, chức năng:

- Là thị trấn huyện lỵ; trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Đắk Tô, đồng thời là trung tâm công nghiệp, du lịch dịch vụ, cửa ngõ phía Bắc của TP Kon Tum.

- Là cực tăng trưởng vệ tinh của Tỉnh, có vai trò cầu nối liên kết phát triển liên vùng, đặc biệt là kết nối hai đô thị của Tỉnh là thành phố Kon Tum và Khu KT Bờ Y huyện Ngọc Hồi; thúc đẩy sự phát triển của huyện Đắk Tô và khu vực;

- Là cực tăng trưởng vệ tinh của Tỉnh; đô thị của ngõ phía Bắc của TP Kon Tum; có vai trò liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế - kỹ thuật - đô thị trong vùng theo hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế Q.24D - 674 thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện, vùng Tỉnh.

2.2. Hướng phát triển đô thị:

- Hướng phát triển chính của đô thị dọc theo hành lang đường cao tốc Bờ Y, Ngọc Hồi - Plei Ku, đường Hồ Chí Minh (*Quốc lộ 14*) và Quốc lộ 40B. Khu vực này sẽ tập trung chủ yếu vào phát triển công nghiệp, TTCN và thương mại dịch vụ.

- Dự kiến đô thị phát triển theo 4 hướng :

(1) Hướng Bắc là khu trung tâm hành chính - chính trị và dân cư phía Bắc, phát triển dọc theo QL40B.

(2) Hướng Tây Bắc là khu trung tâm TDTT, tiểu thủ công nghiệp, khu công cộng và dân cư phía Tây sông Đắk Tô Kan, phát triển dọc theo QL14 và tuyến đường tránh QL14.

(3) Hướng Đông là khu thương mại dịch vụ, giáo dục kết hợp nghỉ dưỡng và phía Đông sông Đắk Tô Kan,

(4) Hướng Nam: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu dân cư phía Nam.

PHẦN III

CÁC YÊU CẦU NGHIÊN CỨU ĐỒ ÁN

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ

I. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, VAI TRÒ ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐẮK TÔ.

1. Tính chất

- Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Đắk Tô, đồng thời là trung tâm công nghiệp, du lịch dịch vụ, cửa ngõ phía Bắc của TP Kon Tum.

- Là cực tăng trưởng vệ tinh của Tỉnh, có vai trò cầu nối liên kết phát triển liên vùng, đặc biệt là kết nối hai đô thị của Tỉnh là thành phố Kon Tum và Khu kinh tế Bờ Y huyện Ngọc Hồi; thúc đẩy sự phát triển của huyện Đắk Tô và khu vực;

- Là cực tăng trưởng vệ tinh của Tỉnh; đô thị của ngõ phía Bắc của TP Kon Tum; có vai trò liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế - kỹ thuật - đô thị trong vùng theo hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế QL.40B thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện, vùng Tỉnh.

2. Động lực phát triển và vai trò của đô thị thị trấn Đắk Tô đối với vùng huyện, vùng tỉnh.

- Thị trấn Đắk Tô là đô thị vệ tinh, cũng là cực tăng trưởng vệ tinh của tỉnh, nằm về phía Bắc và cách thành phố Kon Tum khoảng 42km, có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu, phát triển kinh tế với các địa phương trong và ngoài Tỉnh;

- Nằm trên hành lang kinh tế Quốc lộ 14 (*đường Hồ Chí Minh*), hành lang kinh tế Quốc lộ 40B có vai trò liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế - kỹ thuật - đô thị trong vùng huyện, vùng liên huyện, vùng tỉnh. Đô thị Đắk Tô có vị trí rất thuận lợi trong việc giao lưu, phát triển kinh tế với các địa phương trong và ngoài Tỉnh.

- Đô thị Đắk Tô nằm giữa hai cực phát triển quan trọng của tỉnh là thành phố Kon Tum và Khu kinh tế Bờ Y huyện Ngọc Hồi thông qua đường Hồ Chí Minh và có tuyến cao tốc Bờ Y, Ngọc Hồi - Plei Ku, Quốc lộ 40B tạo động lực lớn cho phát triển kinh tế vùng huyện, đóng vai trò là cầu nối thúc đẩy kinh tế liên vùng phát triển.

- Thị trấn Đắk Tô là cực vệ tinh được xác định trong cấu trúc tổng thể không gian kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum bao gồm các thị trấn như: Sa Thầy, Đắk Hà, Đắk Tô, Tu Mơ Rông; Ia H'Drai; đây là thị trấn của các huyện, cũng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng huyện .

- Thị trấn Đắk Tô có nhiều tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên đặc trưng của đô thị miền núi, vùng cao thuận lợi phát triển du lịch sinh thái gắn liền với các di tích lịch sử và văn hóa của các đồng bào dân tộc tại địa phương.

- Đô thị Đắk Tô là trung tâm công nghiệp, TTCN, du lịch dịch vụ cửa ngõ phía Bắc của TP Kon Tum. Định hướng phát triển đô thị của tỉnh, trong đó đô thị thị trấn Đắk Tô đến năm 2025 là đô thị loại IV.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Quan điểm

- Quy hoạch chung thị trấn Đắk Tô phải phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực.

- Việc điều chỉnh phải trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định rõ các yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đô thị đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu về sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu vực; giải pháp về cải tạo mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai.

- Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong Tỉnh nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội;

- Khai thác các tiềm năng lợi thế của khu vực nghiên cứu để phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước, vùng Tây Nguyên và tỉnh Kon Tum. Xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên, trong tổ chức không gian đô thị tạo nét đặc trưng riêng đô thị miền núi vùng cao, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo tiên bộ, công bằng xã hội; chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tập trung phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng của vùng huyện Đắk Tô theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Tô đến năm 2040 và Quy hoạch tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định phương hướng nhiệm vụ cải tạo và xây dựng thị trấn, phát triển không gian, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật để tạo lập môi trường sống trước mắt và lâu dài. Đảm bảo an ninh quốc phòng và các hoạt động kinh tế, bảo

tồn các di tích lịch sử, cảnh quan và phù hợp với tiềm năng lợi thế và nguồn lực của địa phương.

- Đảm bảo sự phát triển ổn định, hài hòa trong môi trường tự nhiên và xã hội hiện hữu và khai thác các vị trí chiến lược về cảnh quan và giao thông để thu hút các hoạt động kinh tế, cư dân và du khách; Đảm bảo sự cân đối và thống nhất giữa các chức năng hoạt động của đô thị và các vùng xung quanh ngoài địa giới hành chính thị trấn;

- Làm cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng, lập các quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư theo quy định. Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung trên địa bàn thị trấn và triển khai các dự án trọng điểm, dự án phát triển đô thị góp phần phân đầu xây dựng đô thị Đắk Tô đạt chuẩn đô thị loại IV theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030⁷ và kế hoạch về phân loại một số đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH.

1. Nội dung giải quyết chung:

Trên cơ sở các điều kiện thực tế tại địa phương, đề án nghiên cứu Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai. Cụ thể đề án cần nghiên cứu như sau:

- Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng và các định hướng phát triển của tỉnh, của huyện và của xã có liên quan. Xác định cụ thể hóa phạm vi, ranh giới, diện tích, quy mô đất đai, dân số và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị; các khu vực cải tạo, chỉnh trang, xây dựng mới và chuyển đổi chức năng sử dụng đất...

- Xác định các nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đối với các khu chức năng, các không gian đặc trưng tại khu vực lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô là cơ sở để xác định nhu cầu đầu tư các dự án nhằm quản lý, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, khớp nối các dự án đầu tư có liên quan.

- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

⁷ Quyết định số 241/QĐ-TTg, ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại toàn quốc giai đoạn 2021-2030.

- Đề xuất quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chung, là cơ sở lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư theo quy định và để các cấp chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

2. Nội dung giải quyết cụ thể:

2.1. Mở rộng không gian đô thị: Mở rộng ranh giới diện tích quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô từ 1.224 ha (*đã trừ phần diện tích 112,8ha thuộc xã Tân Cảnh trong tổng diện tích QH chung đã được phê duyệt 1.336,8ha*) lên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Đăk Tô là khoảng 3.953 ha.

2.2. Cập nhật các vị trí đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương điều chỉnh cục bộ Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum sau khi đồ án 1343 được phê duyệt đến nay.

2.3. Khớp nối, cập nhật, bổ sung các đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê trên địa bàn thị trấn.

2.4. Điều chỉnh định hướng một số khu chức năng và tuyến giao thông để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị.

IV. CÁC DỰ BÁO SƠ BỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Cơ sở dự báo

- Các định hướng và kế hoạch phát triển mạng lưới đô thị của tỉnh Kon Tum;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các kế hoạch phát triển đô thị thị trấn Đăk Tô đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV;

- Hiện trạng quỹ đất, khả năng dung nạp và nhu cầu sử dụng đất;

- Tiềm năng, lợi thế của đô thị, khả năng huy động các nguồn lực lớn để tăng trưởng các ngành kinh tế;

- Tình hình triển khai các dự án khu dân cư, khu đô thị trong khu vực;

2. Dự báo về phát triển Kinh tế - Xã hội

2.1. Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm đạt trên 11%/năm.

- Hướng phát triển chính của đô thị Đăk Tô là phát triển công nghiệp, TTCN và thương mại dịch vụ. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp” nhằm tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ giảm dần tỷ trọng của nông - lâm nghiệp.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 khoảng 84 triệu (*bằng 83%*). Giai đoạn đến năm 2040 thu nhập bằng khoảng 90% so với thu nhập bình quân đầu người của tỉnh.

2.2. Về phát triển xã hội:

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn hiện nay đến 2030: khoảng 41,44%; Giai đoạn 2030-2040: khoảng 49,19%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện, sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt trên 99%, sau năm 2030 là 100%.

- Đến năm 2030 có trên 85% số trường học đạt chuẩn Quốc gia và trên 90% sau năm 2030.

- Đến năm 2030 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống còn 7%, và sau năm 2030 xuống dưới 7%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 2-5%/năm theo tiêu chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 7-8% vào năm 2030.

- Mạng lưới y tế huyện đến cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu, đến năm 2030 có 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, 11 bác sĩ/ 1 vạn dân. Số giường bệnh trên vạn dân đạt 41 giường vào năm 2030.

- Năm 2030 có trên 95% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; có trên 95% số thôn, làng, khu phố đạt tiêu chuẩn thôn, làng, khu phố văn hoá.

3. Dự báo về dân số, lao động và nghề nghiệp

3.1. Dự báo dân số:

- Căn cứ vào hiện trạng dân số của thị trấn Đắk Tô.

- Căn cứ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ vào các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch, định hướng phát triển nâng cấp đô thị thị trấn Đắk Tô.

a. Phương pháp dự báo:

Quy mô dân số phát triển trong tương lai của đô thị thị trấn Đắk Tô được tổng hợp từ hai nguồn cơ bản: Nguồn tăng tự nhiên và tăng cơ học.

* *Tăng tự nhiên (N)*: Nguồn tăng từ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên theo con số thống kê hằng năm của huyện.

- Được tính toán theo công thức: $N = N_0 \cdot (1+r)^n$

Trong đó:

+ N : Là dân số dự báo tại thời điểm dự báo t

+ N_0 : Là dân số hiện tại

+ r: Là tỉ lệ tăng dân số hàng năm (*khoảng 1,8%*)

+ n: Là thời điểm dự báo (*số năm*)

* *Tăng cơ học*: Nguồn tăng cơ học đột biến do sự sắp xếp, dịch chuyển dân cư nông thôn vào đô thị, do luồng dân cư mới sẽ đến định cư sinh sống do sức hút từ vị thế mới của đô thị. Nhu cầu tăng trưởng kinh tế, phát triển công nghiệp đồng thời mở rộng phát triển du lịch, thương mại dịch vụ trên địa bàn.

- Tỷ lệ tăng cơ học:

+ Giai đoạn hiện nay đến năm 2030 khoảng 3,9 %/năm;

+ Giai đoạn 2030-2040 khoảng 1,2%/năm ;

* Dân số hiện trạng năm 2022 thị trấn Đắk Tô: 14.636 người.

b. Kết quả dự báo

- Dân số toàn đô thị đến năm 2030 khoảng 23.000 người;

- Dân số toàn đô thị đến năm 2040 khoảng 30.500 người;

3.2. Dự báo lao động:

Theo cơ cấu các khu vực kinh tế được dự báo đến năm 2030, dự kiến lao động khu vực quy hoạch có sự thay đổi theo hướng tăng dần tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ở các lĩnh vực dịch vụ - thương mại - du lịch, công nghiệp - xây dựng do việc phát triển hệ thống hạ tầng đô thị và các khu công nghiệp, cơ sở TTCN chế biến các sản phẩm thế mạnh của huyện. Theo đó sẽ thu hút lực lượng lao động trong các lĩnh vực từ nơi khác đến và thúc đẩy việc chuyển đổi nghề nghiệp sang các lĩnh vực dịch vụ - thương mại - du lịch và sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp.

- Quy mô lao động dự kiến đến năm 2030: khoảng 13.200 người, trong đó tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Thương mại, dịch vụ và TTCN, xây dựng) > 70%, tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm khoảng 30%.

- Quy mô lao động dự kiến đến năm 2040: 17.300 người, trong đó tỷ lệ lao động phi nông nghiệp > 80% (Thương mại, dịch vụ và TTCN, xây dựng), tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm khoảng 20%.

4. Dự báo về đất đai phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch trên diện tích tự nhiên của thị trấn Đắk Tô là 3.953 ha, trong đó đất xây dựng đô thị hiện trạng khoảng 1.224ha.

- Dự báo đến năm 2030, đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1.500ha.

- Dự báo đến năm 2040, đất xây dựng đô thị đạt khoảng 2.000ha.

5. Dự báo về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

STT	Chỉ tiêu	Dự báo phát triển	
		Đến năm 2030	Đến năm 2040
I	Hạ tầng xã hội		
1	Trường học đạt chuẩn quốc gia	90%	100%
2	Chuẩn quốc gia về y tế	100%	100%

STT	Chỉ tiêu	Dự báo phát triển	
		Đến năm 2030	Đến năm 2040
3	Tỷ lệ TDP có nhà văn hóa, sân TDTT đạt chuẩn	100%	100%
II	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$)	$\geq 19,5km/km^2$	$\geq 20km/km^2$
2	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh	100%	100%
3	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	$\geq 95\%$	100%
4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	15%	$\geq 25\%$
5	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$

V. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHỦ YẾU.

1. Căn cứ pháp lý lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị Quyết số 26/2022/UBTVQH15, ngày Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg, ngày 24/02/2021 của Thủ tướng phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD, ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 07: 2016/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật”;

- Căn cứ Kế hoạch số 2811/KH-UBND, ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về phân loại một số đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23-8-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Chương trình số 51-CTr/TU ngày 19-01-2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24-01-2022 của Bộ chính trị “về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐH, ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đắk Tô lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01-NQ/HU ngày 01/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng thị trấn Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV gắn với mở rộng không gian đô thị và hình thành khu đô thị mới;

- Căn cứ Chương trình số 61-CTr/HU ngày 16/01/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TU, ngày 23/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040;

- Căn cứ Chương trình số 64b- CT/HU, ngày 10/3/2023 của Ban Thường vụ huyện ủy về Thực hiện Chương trình số 51-CTr/TU ngày 19/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ chính trị “về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Căn cứ vào các điều kiện tự nhiên, hiện trạng khu vực nghiên cứu phát triển đô thị; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật được áp dụng theo phân loại đô thị loại IV. Với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo quy định	Chỉ tiêu quy hoạch	
				Giai đoạn đến năm 2030	Giai đoạn đến năm 2040
I	Dân số	Người		23.000	30.500
II	Chỉ tiêu về đất đai				
1	Diện tích đô thị	ha		3.953	3.953
2	Đất xây dựng đô thị	ha		1.500	2.000
III	Hạ tầng xã hội				
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	28-32	≥28	≥32
2	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	50-80	≥ 50	≥ 80
3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị	m ² /người	≥3	≥3	≥4
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	Giường/10.000 dân	≥25	≥25	≥30
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	≥ 2	≥ 2	≥5
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	≥ 2	≥ 2	≥4
7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	Công trình	≥ 2	≥ 2	≥3
8	Công trình thương mại-dịch vụ cấp đô thị	Công trình	≥ 2	≥ 2	≥4

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo quy định	Chỉ tiêu quy hoạch	
				Giai đoạn đến năm 2030	Giai đoạn đến năm 2040
IV	Hạ tầng kỹ thuật				
1	Giao thông				
-	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	≥12	≥12	≥17
-	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	≥5	≥5	≥6
-	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m ² /người	≥7	≥7	≥9
2	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng.năm	≥ 400	≥ 400	≥ 1.000
-	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	≥ 90	≥ 90	≥ 95
3	Cấp nước sinh hoạt	l/người/ngày.đ	≥100	≥100	≥120
4	Mật độ thoát nước mưa chính	km/km ²	≥3,0	≥3,0	≥3,5
5	Thoát nước thải sinh hoạt	% nước SH	≥80	≥80	≥90
6	Rác thải sinh hoạt	kg/người/ngày	≥ 1,0	≥ 1,0	≥ 1,0

* Các dự báo và các chỉ tiêu trên sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cần phải luận chứng cụ thể và thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV và tuân thủ theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch hiện hành.

VI. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ; ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.

1. Yêu cầu đối với việc điều tra khảo sát, thu thập tài liệu số liệu, đánh giá hiện trạng đô thị.

1.1. Về điều kiện tự nhiên

- Điều tra, khảo sát và phân tích, đánh giá hiện trạng tự nhiên và tiềm năng thiên nhiên của khu vực quy hoạch, bao gồm: vị trí địa lý, địa hình, địa chất, thủy văn; trong đó lưu ý các vấn đề về biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, suối...

1.2. Về kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật:

- Về hạ tầng kinh tế: Các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (*công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...*).

- Về dân số, lao động: cơ cấu dân số, tỉ lệ tăng dân số. Số lao động, trình độ lao động, cơ cấu lao động theo ngành nghề,...

- Về hạ tầng xã hội Phân tích đặc điểm phân bố, số lượng, quy mô và các kế hoạch phát triển.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Phân tích đánh giá hiện trạng hệ thống giao thông, chuẩn bị kỹ thuật (CBKT), thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR), nghĩa trang, cấp điện, hiện trạng môi trường của khu vực quy hoạch.

- Về rà soát các chương trình, quy hoạch và dự án đầu tư trọng điểm trong khu vực quy hoạch: khớp nối đồng bộ, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành.

- Đánh giá hiện trạng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế- xã hội của thị trấn.

1.3. Về hiện trạng sử dụng đất:

Đánh giá, đưa ra các số liệu về diện tích và tỷ lệ % các loại đất ở, công trình công cộng, cơ quan, khu vui chơi giải trí, cây xanh, khu thể dục thể thao và các loại đất chuyên dùng khác.

1.4. Về kiến trúc cảnh quan:

- Phân tích, đánh giá các công trình kiến trúc có giá trị theo quy định của pháp luật về kiến trúc (*nếu có*): Diện tích xây dựng, tầng cao, các phần ngầm *ko* của các công trình, tính chất sử dụng và chất lượng công trình.

1.5. Xác định các vấn đề thực trạng phát triển cần phải giải quyết trong đồ án quy hoạch:

- Trên cơ sở tài liệu thu thập và nội dung phân tích đánh giá tổng quan thực trạng phát triển, tổ chức nghiên cứu đánh giá chung về các vấn đề hiện trạng cần giải quyết, các ưu điểm cần phát huy, các nhược điểm cần khắc phục và lựa chọn các vấn đề phải tập trung giải quyết trong đồ án.

- Phân tích, rà soát, cập nhật, có nghiên cứu đối với các đồ án quy hoạch có liên quan để đề xuất các giải pháp để khớp nối đồng bộ, thống nhất.

2. Yêu cầu định hướng phát triển đô thị

2.1. Định hướng phát triển không gian

- Nghiên cứu tối thiểu 2 phương án, để có cơ sở so sánh và lựa chọn ra một phương án tối ưu nhất. Xác lập rõ các cơ sở và giải quyết các mối quan hệ với các khu vực lân cận đối với các hướng phát triển chính của đô thị;

- Đề xuất điều chỉnh lại chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với thực tế phát triển hiện tại cũng như đảm bảo phát triển dài hạn.

- Điều chỉnh lại cơ cấu phân khu chức năng và quy mô sử dụng đất tại một số khu vực cho phù hợp với thực trạng và xu thế phát triển chung của khu vực.

Đồng thời phải nghiên cứu sự phù hợp và đảm bảo khớp nối, mở rộng không gian đô thị đạt tiêu chuẩn là đô thị loại IV vào năm 2025.

- Chỉ rõ các yêu cầu, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm soát đối với các khu chức năng, khu vực không gian mở, không gian công cộng, khu vực điểm nhấn và các khu ở cải tạo - xây mới trong khu quy hoạch.

- Khuyến khích bảo tồn không gian kiến trúc truyền thống, các kiến trúc phát triển gắn với cây xanh, kiến trúc có hình thức hài hòa cảnh quan thiên nhiên; khai thác hợp lý cảnh quan thiên nhiên nhằm tạo ra giá trị thẩm mỹ, gắn với tiện nghi, nâng cao hiệu quả sử dụng không gian và bảo vệ môi trường đô thị.

- Định hướng phát triển đô thị Đắk Tô theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, dịch bệnh; phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đô thị.

2.2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

- Nêu ý tưởng chung về cấu trúc tổng thể không gian của đô thị.

- Đề xuất và mô tả hình ảnh không gian các khu chức năng đô thị; không gian trọng tâm của đô thị theo các điểm-tuyến-diện. Xác định các khu vực có giá trị, tiềm năng về cảnh quan cần có giải pháp quản lý, bảo vệ.

- Các giải pháp kiểm soát, quản lý và phát triển cho từng khu chức năng trong đô thị. Các quan điểm, thông số, quy định về kiến trúc, không chế khoảng lùi, cảnh quan đối với các khu chức năng, với hệ thống các trục không gian chính của đô thị.

- Giải pháp quy hoạch cảnh quan đối với khu vực trung tâm, trục không gian chính, không gian mở, không gian cây xanh - mặt nước, công trình trọng điểm, điểm nhấn, các quần thể kiến trúc hoặc tổ hợp kiến trúc - cảnh quan khác.

2.3. Yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích

- Phân tích, đánh giá hiện trạng không gian kiến trúc cảnh quan để trên cơ sở đó đề xuất phương án bảo tồn, cải tạo những nét đặc trưng riêng của đô thị hay phá bỏ xây dựng mới để tạo nên sự đồng bộ, nâng cao tính thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

- Đề xuất giải pháp về quy hoạch khai thác và bảo tồn cảnh quan, di sản, di tích.

2.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Căn cứ theo tình hình hiện trạng và xu hướng phát triển của khu vực quy hoạch để đưa ra các giải pháp quy hoạch bao gồm:

a. Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Nêu sơ bộ định hướng của quy hoạch chung được duyệt.

+ Đánh giá các vấn đề tồn tại của các quy hoạch hiện hành và từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh.

+ Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị

- + Xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng
- + Xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính, hướng thoát nước.
- + Xác định vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước.
- + Xác định cao độ khống chế xây dựng cho đô thị và từng khu vực.
- + Thể hiện hệ thống thoát nước mưa chính (mạng lưới, khẩu độ cống, vị trí miệng xả,..).
- + Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác.

b. Giao thông:

- + Đánh giá các vấn đề tồn tại của các quy hoạch hiện hành và từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh.
- + Tổ chức mạng lưới giao thông, phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị và đề xuất các giải pháp thiết kế cho giao thông đối ngoại và giao chính trong đô thị...
- + Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối giao thông: bến xe, bãi đỗ xe, các nút giao thông, cầu cống,...

c. Cấp nước:

- + Nêu sơ bộ định hướng của quy hoạch chung được duyệt.
- + Đánh giá các vấn đề tồn tại của các quy hoạch hiện hành và từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh.
- + Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước.
- + Xác định nguồn cấp nước, vị trí điểm cấp nước cho đô thị.
- + Đề xuất các giải pháp cấp nước.
- + Mạng lưới các đường ống chính, ống nhánh đến các khu chức năng.
- + Phòng chống cháy, cứu hỏa.

d. Cấp điện và chiếu sáng công cộng đô thị:

- + Nêu sơ bộ định hướng của quy hoạch chung được duyệt.
- + Đánh giá các vấn đề tồn tại của các quy hoạch hiện hành và từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh.
- + Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng điện.
- + Lựa chọn cân đối nguồn điện.
- + Đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện từ trung áp trở lên.
- + Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng đô thị

e. Thông tin liên lạc:

- + Xác định chỉ tiêu thông tin liên lạc của đô thị.
- Dự báo nhu cầu thuê bao, từ đó từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn tín hiệu, mạng lưới thông tin liên lạc phù hợp với sự phát triển của khu vực.

+ Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối nguồn tín hiệu, tổ chức mạng lưới cáp thông tin cho từng giai đoạn quy hoạch.

+ Sơ bộ xác định khối lượng xây dựng, khái toán đầu tư hệ thống thông tin liên lạc.

+ Đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm bảo đảm triển khai thực hiện quy hoạch hiệu quả sau khi được phê duyệt

f. Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

+ Nêu sơ bộ định hướng của quy hoạch chung được duyệt

+ Đánh giá các vấn đề tồn tại của các quy hoạch hiện hành và từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh.

+ Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn.

+ Vị trí, điểm tiếp nhận nước thải của khu vực;

+ Thiết kế mạng lưới cống thoát nước thải chính;

+ Vị trí, công suất các trạm bơm, trạm xử lý nước thải, điểm thu gom, điểm trung chuyển và trạm xử lý chất thải rắn.

+ Các giải pháp về cải tạo nghĩa trang cũ, mai táng. Vị trí, quy mô, của nghĩa trang tập trung của đô thị.

3. Đánh giá tác động môi trường

+ Nêu các tiêu chí bảo vệ môi trường cần đạt được của đồ án quy hoạch: Môi trường nước, môi trường không khí, chất thải rắn, môi trường đất, bảo tồn đa dạng sinh học, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Đánh giá hiện trạng môi trường đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; các vấn đề xã hội, cảnh quan, văn hoá và di sản để làm cơ sở đưa ra các giải pháp quy hoạch đô thị;

+ Dự báo diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch đô thị, trong đó: Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

+ Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

+ Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

4. Quy hoạch xây dựng đợt đầu và dự án ưu tiên đầu tư

- Đề xuất kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển để khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng, tập trung nguồn vốn và đầu tư trọng tâm, trọng điểm cho giai đoạn đầu của đô thị. Hạn chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư hiện trạng khi chưa thực sự cần thiết.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn quy hoạch, đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện;
- Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện.

5. Thiết kế đô thị:

5.1. Đánh giá hiện trạng đô thị khu vực quy hoạch:

- Thu thập các thông tin về cộng đồng: Các số liệu xã hội học, các yếu tố văn hoá, lịch sử, tình hình sử dụng đất; các quan điểm, chính sách của địa phương...

- Xác định đặc điểm của khu vực: Yếu tố cảnh quan tự nhiên, hình thái khu vực và không gian kiến trúc; mối liên kết giữa các khu vực; các đặc điểm về thị giác và hình ảnh đô thị.

- Đánh giá tài nguyên thiên nhiên: Xác định tiềm năng và hạn chế của khu vực; khai thác tài nguyên sẵn có.

- Đánh giá liên kết: Xác định mối liên hệ với các khu vực xung quanh bởi hệ thống giao thông, sông ngòi.

- Phân tích đánh giá tổng hợp: Tính khả thi, nhu cầu và khả năng của dân cư khu quy hoạch, nhu cầu và khả năng thị trường, khả năng giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, các vấn đề kỹ thuật, ảnh hưởng bởi quan điểm chỉ đạo, chính sách...

- Đề xuất đưa ra viễn cảnh về một tương lai mong muốn cho khu vực quy hoạch.

5.2. Tạo cấu trúc đô thị:

- Thiết lập mạng lưới đường và hệ thống giao thông.

- Phân chia phát triển theo khu vực.

- Chọn mật độ phát triển hợp lý: Về xã hội, về kinh tế, về môi trường, về giao thông.

- Giải quyết các vấn đề kỹ thuật: Năng lượng, chất thải...

- Thiết kế hệ thống cảnh quan: Mọi yếu tố vật thể đô thị đều là thành phần của một cấu trúc cảnh quan thống nhất. Chú ý bố trí các không gian trống, không gian mở.

- Tạo hiệu quả cảnh quan kiến trúc: Bố trí các công trình điểm nhấn, các tuyến cảnh quan, các nút, các điểm tiếp cận các khu đặc biệt như khu trung tâm, khu vui chơi giải trí...

5.3. Thiết kế chi tiết:

- Tổ chức giao thông công cộng.

- Thiết kế đường phố và tổ chức giao thông.

- Bãi đỗ và các dịch vụ giao thông.

- Hành lang kỹ thuật, hộp kỹ thuật.

- Tạo lập không gian: Tỷ lệ đặc - rộng; khoảng lùi, khoảng cách giữa các công trình, tỷ lệ chiều rộng - cao của công trình. Không chế chiều cao tầng nhà; tạo nhịp điệu kiến trúc hợp lý; tổ chức phân bố hợp lý màu sắc theo mảng.

- Thiết lập cảm giác an ninh và an toàn: Đảm bảo giám sát thường xuyên và có người; tăng độ an toàn giao thông; thiết lập trách nhiệm và sự tham gia của cộng đồng.

PHẦN IV

HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ; KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. HỒ SƠ SẢN PHẨM:

1. Hồ sơ khảo sát:

Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2 m, quy mô 3.953 ha:

- Bản đồ in đen trắng : Số lượng 07 bộ.
- Phương án kỹ thuật : Số lượng 07 bộ.
- Báo cáo kỹ thuật thi công: Số lượng 07 bộ.
- Đĩa CD lưu trữ hồ sơ khảo sát.
- Đo đạc bản đồ địa hình theo hệ cao, tọa độ quốc gia hệ VN 2000.

2. Hồ sơ quy hoạch:

Thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 06/2013/TT-BXD, ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.

Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ (*không kể hồ sơ trình duyệt và thẩm định*).

2.1. Phần bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỉ lệ	Khổ A0	Thu nhỏ khổ A3
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng; Ranh giới; phạm vi lập QH chung đô thị.	Thích hợp	x	x
2	Bản đồ hiện trạng các chức năng sử dụng đất; kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội.	1/5.000	x	x
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.	1/5.000	x	x
4	Bản đồ đánh giá tổng hợp phát triển đô thị.	1/5.000	x	x
5	Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị	1/5.000	x	x
6	Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị.	1/5.000	x	x
7	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.	1/5.000	x	x
8	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.	1/5.000	x	x

TT	Tên bản vẽ	Tỉ lệ	Khổ A0	Thu nhỏ khổ A3
9	Các bản vẽ thiết kế đô thị	Thích hợp	x	x
10	Các bản vẽ phối cảnh	Thích hợp	x	x

2.2. Phần văn bản:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch, các bản vẽ thu nhỏ khổ A3 in màu, các phụ lục, bảng biểu tính toán và các văn bản pháp lý có liên quan.
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị.
- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Đĩa CD lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch.

II. DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Cơ sở để tính toán:

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng BXD về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
- Định mức dự toán khảo sát xây dựng công trình ban hành kèm theo số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

2. Tổng dự toán kinh phí:

Tổng kinh phí khảo sát và lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung: **5.479.317.130** (Bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm mười bảy nghìn, một trăm ba mươi đồng). Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình 3.953ha (trong đó 1.224 ha cập nhật khảo sát đã có quy hoạch chung lấy bằng 40% giá trị lập mới và 2.729ha lấy 100% giá trị lập mới khảo sát địa hình) : 1.471.747.438 đồng.

- Lập đồ án quy hoạch chung 3.953 ha ((trong đó 1.224 ha điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung lấy bằng 80% giá trị lập mới và lập mới 2.729ha lấy 100% giá trị): 2.937.796.556 đồng.

- Chi phí khác: 571.653.397 đồng.

- Chi phí dự phòng : 498.119.739 đồng.

(Có bảng phụ lục tổng dự toán kinh phí lập đồ án kèm theo)

Sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

III. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.

1. Lập nhiệm vụ quy hoạch

Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch: Không quá 01 tháng kể từ ngày chính thức ký kết hợp đồng (không kể thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và thời gian trình thẩm định, phê duyệt).

2. Lập quy hoạch

Thời gian lập quy hoạch chung đô thị không quá 09 tháng kể từ ngày phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch (*không kể thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và thời gian trình thẩm định, phê duyệt*).

3. Thời gian và nguồn vốn thực hiện:

- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Từ năm 2023.

- Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn ngân sách huyện theo phân cấp, nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Kon Tum.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Đắk Tô.

- Đại diện chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đắk Tô.

V. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG LẤY Ý KIẾN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.

- Nội dung về hồ sơ nhiệm vụ và đồ quy hoạch lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị. Ủy ban nhân dân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trong việc lấy ý kiến.

- Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, giải trình, tiếp thu và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 15 ngày đối với cơ quan, 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.⁸

⁸ Khoản 4, Điều 21, Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

PHẦN V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với các cơ sở và các luận chứng đã được xác định nêu trên, Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Tô, tỉnh Kon Tum là cơ sở để quản lý quy hoạch, lập quy hoạch điều chỉnh, cập nhật và lập mới các quy hoạch chi tiết đô thị, các quy hoạch chi tiết khu chức năng phục vụ lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị Đắk Tô đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo theo tiêu chuẩn đô thị loại IV. Là cơ sở để triển khai thực hiện theo kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và kế hoạch phân loại một số đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025 của tỉnh Kon Tum. Góp phần phát triển đô thị Đắk Tô phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tạo nền tảng bền vững cho việc phát triển kinh tế - xã hội của đô thị trung tâm huyện nói riêng và toàn huyện nói chung.

Kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum xem xét thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch để thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG THỊ TRẤN ĐẮK TÔ, HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2040**

*** Căn cứ pháp lý lập dự toán:**

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Định mức dự toán khảo sát xây dựng công trình ban hành kèm theo số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

STT	TÊN CÔNG VIỆC	KH	ĐVT	THÀNH TIỀN			CÁCH TÍNH
				TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	SAU THUẾ	
A	Khảo sát địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch	Gks	Đồng	1.337.952.217	133.795.222	1.471.747.438	Gks=Gks1+Gks2
1	Chi phí khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m. Quy mô 3.953 ha (trong đó: 1.224 ha cập nhật bản đồ khảo sát địa hình đã có quy hoạch chung lấy bằng 40% giá trị lập mới; lập mới khảo sát địa hình 2.729 ha lấy 100% giá trị)	Gks1	Đồng	1.298.982.735	129.898.273	1.428.881.008	Bảng tính
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Gks2	Đồng	38.969.482	3.896.948	42.866.430	3% x Gks1
B	Lập đồ án quy hoạch	Gqh	Đồng	2.670.724.141	267.072.414	2.937.796.556	Bảng tính
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch quy mô 3.953ha (trong đó Điều chỉnh tổng thể quy hoạch 1.224ha lấy bằng 80% giá trị lập mới; Lập mới 2.729ha lấy 100% giá trị)	Gqh1	Đồng	2.628.074.024	262.807.402	2.890.881.427	Bảng 1
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	Gqh2	Đồng	42.650.117	4.265.012	46.915.129	Bảng 1
C	Chi phí khác	Gk	Đồng	550.498.017	21.155.380	571.653.397	Gk=G1+...+G13
1	Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán	G1	Đồng	14.196.413		14.196.413	TMĐTLTx0,57%*0,5

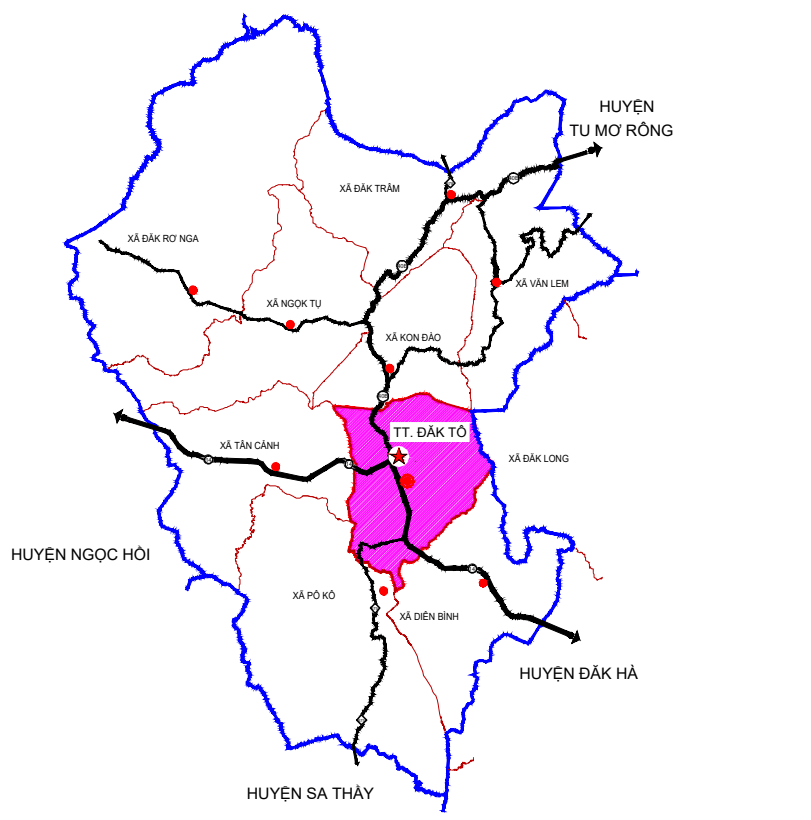
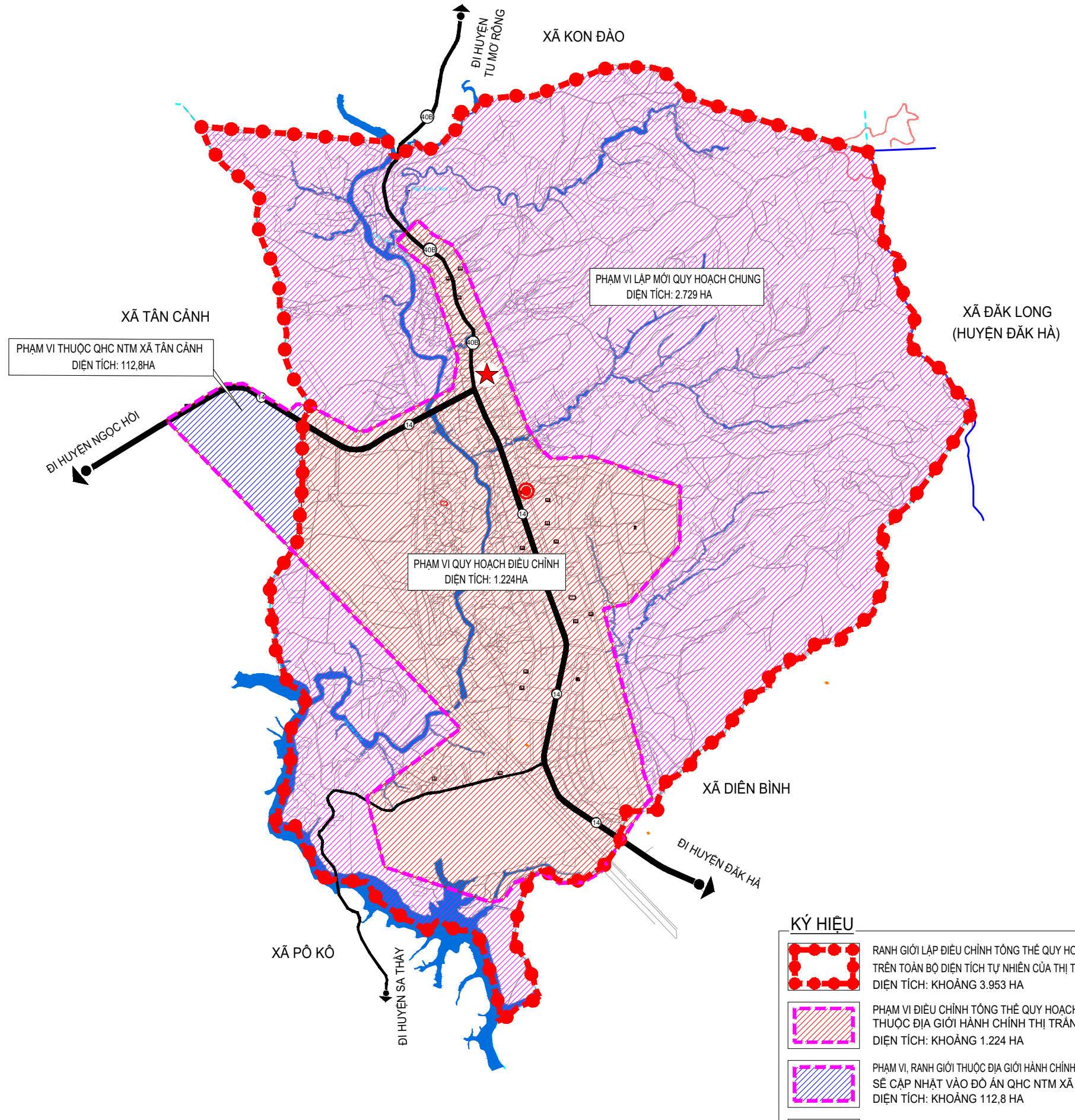
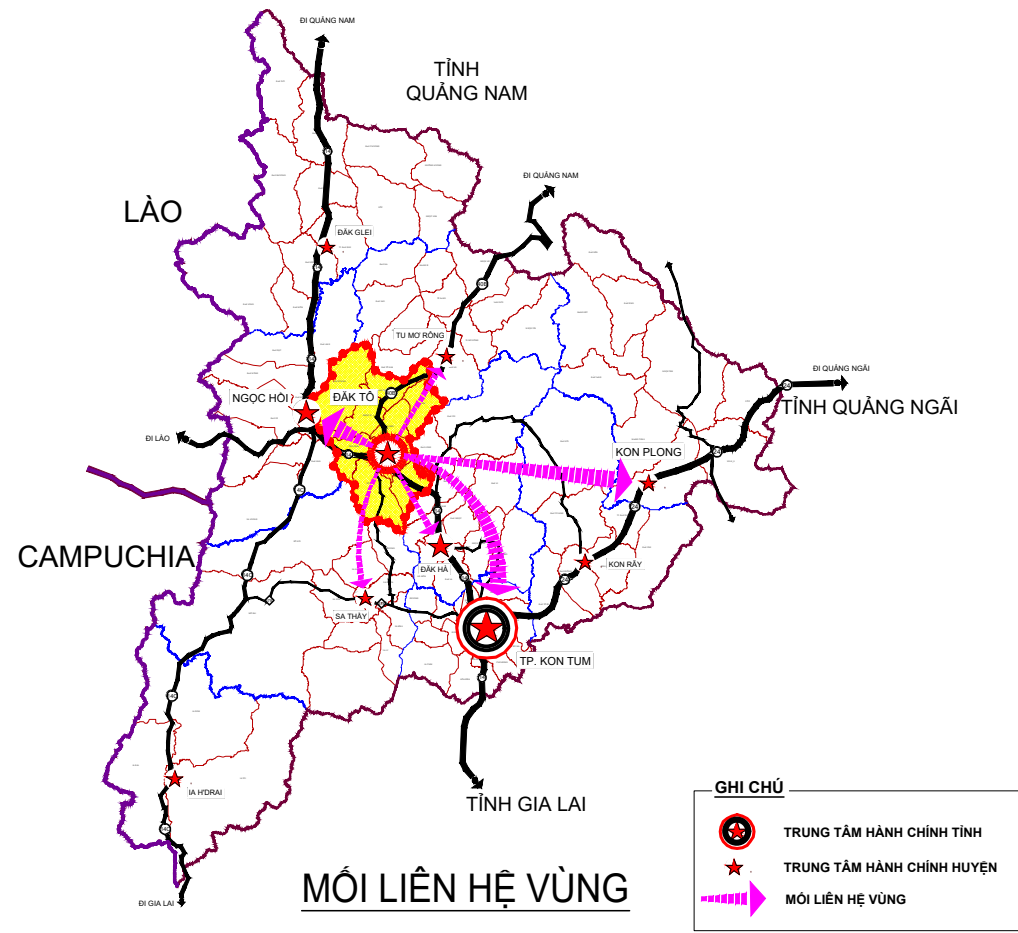
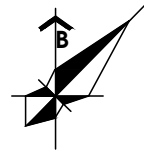
STT	TÊN CÔNG VIỆC	KH	ĐVT	THÀNH TIỀN			CÁCH TÍNH
				TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	SAU THUẾ	
2	Chi phí kiểm toán	G2	Đồng	47.819.495	4.781.949	52.601.444	TMĐTLT \times 0,96% \times 1,1
3	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	G3	Đồng	135.740.023		135.740.023	Bảng 1
4	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	G4	Đồng	126.331.518		126.331.518	Bảng 1
5	Chi phí công bố quy hoạch	G5	Đồng	78.842.221	7.884.222	86.726.443	Gqh1 \times 3%
6	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	G6	Đồng	8.530.023		8.530.023	Gqh2 \times 20%
7	Chi phí lấy ý kiến cơ quan và đại diện cộng đồng	G7	Đồng	52.561.480		52.561.480	Gqh1 \times 2%
8	Chi phí giám sát khảo sát	G8	Đồng	52.894.577	5.289.458	58.184.035	4,072% \times Gks1 (TT12/2021)
9	Chi phí thẩm định dự toán khảo sát	G9	Đồng	1.584.759		1.584.759	Gks1 \times 0,122% (TT 210/2016)
10	Chi phí lập hồ sơ MT, đánh giá hồ sơ DT tư vấn lập đồ án quy hoạch	G10	Đồng	16.451.743	1.645.174	18.096.918	(Gqh1) \times 0,626% (TT12/2021)
11	Chi phí thẩm định hồ sơ MT, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập đồ án quy hoạch	G11	Đồng	2.628.074	262.807	2.890.881	(Gqh1) \times (0,05%+0,05%) \geq 2.000.000 (NĐ 63/2014)
12	Chi phí lập hồ sơ MT, đánh giá hồ sơ DT tư vấn khảo sát	G12	Đồng	10.917.690	1.091.769	12.009.459	(Gks) \times 0,816% (TT12/2021)
13	Chi phí thẩm định hồ sơ MT, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát	G13	Đồng	2.000.000	200.000	2.200.000	(Gks) \times (0,05%+0,05%) \geq 2.000.000 (NĐ 63/2014)
D	Chi phí dự phòng	Gdp	Đồng			498.119.739	(Gks+Gqh+Gk)* 10%
	Tổng cộng	Gdt	Đồng			5.479.317.130	Gks+Gqh+Gk+Gdp

BẢNG 1: CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH

- Quy mô: 3.953ha (Đô thị loại IV, đến năm 2040 dân số thị trấn Đắk Tô khoảng 30.500 người=> mật độ dân số 772 người/km²)

TT	Hạng mục	KH	Quy mô	HS điều chỉnh QH	HS loại đô thị	HS MĐ dân số	Đơn giá	Đơn giá /1 ha	Thành Tiền	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7		8=4*5*6*7	9
1	Chi phí lập điều chỉnh đồ án quy hoạch chung theo Bảng 2, TT số 20/BXD	Gqh							2.628.074.024	Gqh=G1+G2
	- Điều chỉnh 1.224 ha	G1	1.224	0,8	1,05	1,093	2.441.135.000	617.540	693.978.233	nội suy 3.953 ha
	- Lập QH mới 2.729 ha	G2	2.729	1	1,05	1,093	2.441.135.000	617.540	1.934.095.791	nội suy 3.953 ha
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch theo Bảng 2, TT số 20/BXD	Glnv							42.650.117	Glnv=G2
	- GNV trước thuế	G2			1,05	1,093	37.163.000		42.650.117	nội suy 3.953 ha
3	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch theo Bảng 11, TT số 20/BXD	Gtd							135.740.023	Gtd=G3
	- GNV trước thuế	G3					5,165%		135.740.023	Gqh*5,165%
4	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch theo Bảng 11, TT số 20/BXD	Gql							126.331.518	Gql=G4
	- GNV trước thuế	G4					4,807%		126.331.518	G4*4,807%

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



QUY MÔ, RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH